



VĂN PHÒNG QUỐC HỘI
THƯ VIỆN QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TRONG QUY TRÌNH LẬP PHÁP



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

The background of the entire page is a light blue, semi-transparent watermark of the Great Seal of Vietnam. The seal is circular and features a central eight-pointed star. Surrounding the star are several concentric rings of intricate patterns, including a ring of eyes, a ring of geometric shapes, and an outer ring of various animals and birds. The text is centered over this background.

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TRONG QUY TRÌNH LẬP PHÁP
(Sách tham khảo)



Copyright © 2021 TVQH

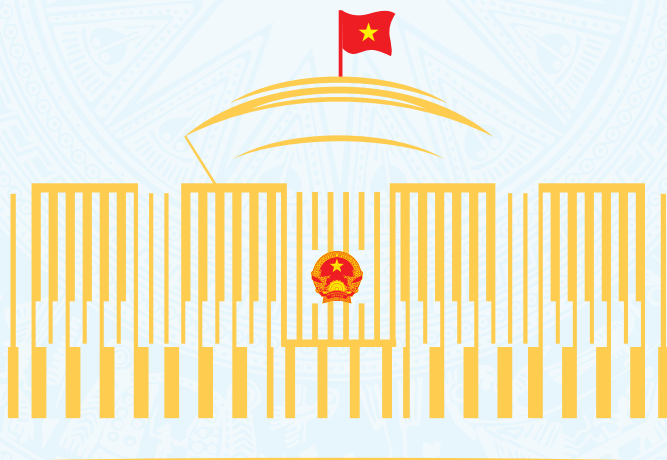
Bản quyền cuốn sách này thuộc về Thư viện Quốc hội

Việc sử dụng mọi thông tin trong cuốn sách này phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bản quyền.



VĂN PHÒNG QUỐC HỘI
THƯ VIỆN QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TRONG QUY TRÌNH LẬP PHÁP



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Phạm Đình Toàn – Nguyễn Thị Thúy Ngân
– Nguyễn Mạnh Hùng

BIÊN SOẠN

Lê Hoàng Anh (chủ biên)	Lê Thị Phương Lan
Trịnh Ngọc Cường	Lê Hữu Nam
Trần Thanh Dũng	Phạm Trọng Nghĩa
Hoàng Minh Hiếu	Trần Thị Thúy
Nguyễn Thị Hải Hà	Lê Hà Vũ

CHUYÊN GIA PHẢN BIỆN, GÓP Ý

Ông Nguyễn Trường Giang	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội khóa XIV, Phó Tổng thư ký Quốc hội
Ông Đặng Đình Luyện	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật, Quốc hội khóa XIII
Ông Đỗ Đức Hồng Hà	Ủy viên Thường trực Ủy ban Tư pháp, Quốc hội khóa XIV
Ông Nguyễn Đức Lam	Trưởng phòng Nghiệp vụ Bồi dưỡng, Trung tâm Bồi dưỡng đại biểu dân cử, Văn phòng Quốc hội

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TRONG QUY TRÌNH LẬP PHÁP..... 17

1. Tổng quan về quy trình lập pháp..... 17

1.1. Văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành17

1.2. Tổng quan về quy trình lập pháp22

1.3. Quyền, trách nhiệm của đại biểu Quốc hội trong hoạt động lập pháp30

2. Lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh 31

2.1 Lập đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh (đối với Chính phủ), lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh đối với các chủ thể khác, kiến nghị về luật, pháp lệnh của đại biểu Quốc hội.....34

2.2 Thẩm tra đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh42

2.3 Ủy ban Thường vụ Quốc hội lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh44

2.4 Quốc hội xem xét, thông qua dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.....46

2.5 Sự tham gia của đại biểu Quốc hội vào quy trình lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh48

3. Soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết..... 61

3.1 Thành lập Ban soạn thảo và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo64

3.2 Tiến hành soạn thảo dự án, dự thảo	65
3.3 Bộ Tư pháp thẩm định dự án, dự thảo do Chính phủ trình; Chính phủ cho ý kiến đối với dự án, dự thảo không do Chính phủ trình.....	66
3.4 Xem xét, quyết định việc trình dự án, dự thảo	69
3.5 Sự tham gia của đại biểu Quốc hội vào quy trình soạn thảo dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết	70
4. Thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết.....	80
4.1 Quy trình thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết.....	80
4.2 Sự tham gia của đại biểu Quốc hội vào quy trình thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết	84
5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội	89
5.1 Quy trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội.....	89
5.2 Sự tham gia của đại biểu Quốc hội vào quy trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội.....	93
6. Xem xét, thông qua dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết.....	94
6.1 Trình tự Quốc hội xem xét, thông qua các dự án luật, dự thảo nghị quyết	94
6.2 Trình tự Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua các dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết	107
6.3 Sự tham gia của đại biểu Quốc hội vào quy trình xem xét, thông qua các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết ...	113
7. Quy trình công bố luật, pháp lệnh, nghị quyết	118

**CHƯƠNG II. HỖ TRỢ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ LẬP PHÁP..... 121**

1. Hỗ trợ về kiến thức, kỹ năng 121

2. Hỗ trợ về báo chí, truyền thông..... 122

3. Hỗ trợ về thông tin tham khảo..... 122

3.1 Cung cấp thông tin theo yêu cầu 125

3.2 Cung cấp thông tin dự báo 126

3.3 Cách thức yêu cầu cung cấp thông tin và sử dụng các
dịch vụ thư viện..... 127

4. Hỗ trợ về tài chính 128

4.1 Các hỗ trợ tài chính chung cho đại biểu Quốc hội 128

4.2 Tài chính cho công tác lập pháp của đại biểu Quốc hội.... 129

5. Cơ quan hỗ trợ đại biểu Quốc hội trong hoạt động lập pháp..... 131

6. Hỗ trợ về hành chính và cơ sở vật chất..... 136

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 137

CÁC MINH HOẠ



Sơ đồ 1. Văn bản quy phạm pháp luật do QH, UBTVQH ban hành.....	18
Sơ đồ 2. Quy trình xây dựng, ban hành luật, nghị quyết của QH	24
Sơ đồ 3. Quy trình xây dựng, ban hành pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH	26
Sơ đồ 4. Quy trình xây dựng, ban hành luật, pháp lệnh, nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn	28
Sơ đồ 5. Quyền, trách nhiệm của ĐBQH trong hoạt động lập pháp	30
Sơ đồ 6. Quy trình lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.....	32
Sơ đồ 7. Quy trình Chính phủ lập đề nghị về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.....	35
Sơ đồ 8. Trình tự lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh không do Chính phủ trình.....	38
Sơ đồ 9. Thẩm tra đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh.....	42
Sơ đồ 10. Quy trình lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh	44
Sơ đồ 11. Trình tự QH xem xét, thông qua dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh	46
Sơ đồ 12. Sự tham gia của ĐBQH vào quy trình lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh	49
Sơ đồ 13. Quy trình soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết.....	62
Sơ đồ 14. Thành lập Ban soạn thảo và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo	64
Sơ đồ 15. Tiến hành soạn thảo dự án, dự thảo	65

Sơ đồ 16. Thẩm định dự án, dự thảo do CP trình; cho ý kiến đối với dự án, dự thảo không do CP trình	66
Sơ đồ 17. Xem xét, quyết định việc trình dự án, dự thảo	69
Sơ đồ 18. Nhiệm vụ của ĐBQH trong giai đoạn soạn thảo dự án luật, pháp lệnh do ĐBQH đề nghị xây dựng.....	71
Sơ đồ 19. Quy trình thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết.....	80
Sơ đồ 20. Hoạt động thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết	81
Sơ đồ 21. Quy trình UBTVQH xem xét, cho ý kiến về các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội.....	90
Sơ đồ 22. Trình tự phiên họp của UBTVQH xem xét, cho ý kiến về dự án luật, dự thảo nghị quyết của QH	91
Sơ đồ 23. Trình tự xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại một kỳ họp	95
Sơ đồ 24. Trình tự xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại hai kỳ họp QH	98
Sơ đồ 25. Trình tự xem xét, thông qua dự án luật tại ba kỳ họp QH ...	102
Sơ đồ 26. Trình tự xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết tại một phiên họp UBTVQH	108
Sơ đồ 27. Trình tự xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết tại hai phiên họp UBTVQH	111
Sơ đồ 28. Một số lưu ý khi tham gia thảo luận dự án luật tại kỳ họp	117
Sơ đồ 29. Quy trình công bố luật	118
Sơ đồ 30. Quy trình công bố pháp lệnh.....	119
Sơ đồ 31. Quy trình công bố nghị quyết của QH, UBTVQH	120
Sơ đồ 32. Quy trình cung cấp thông tin theo yêu cầu.....	123
Sơ đồ 33. Các cơ quan hỗ trợ ĐBQH trong hoạt động lập pháp ...	132

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT



Thứ tự	Chữ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
1	CHXHCNVN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
2	CP	Chính phủ
3	ĐBQH	Đại biểu Quốc hội
4	Đoàn ĐBQH	Đoàn đại biểu Quốc hội
5	HDDT	Hội đồng Dân tộc
6	QH	Quốc hội
7	TTKQH	Tổng Thư ký Quốc hội
8	TAND	Tòa án Nhân dân
9	UBTVQH	Ủy ban Thường vụ Quốc hội
10	UB của QH	Ủy ban của Quốc hội
11	UBPL	Ủy ban Pháp luật
12	VPQH	Văn phòng Quốc hội
13	VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
14	VKSND	Viện Kiểm sát Nhân dân
15	VNCLP	Viện Nghiên cứu Lập pháp
16	MTTQVN	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
17	KTXH	Kinh tế - xã hội
18	Luật Ban hành VBQPPL	Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật

LỜI GIỚI THIỆU

Theo quy định của pháp luật, việc tổ chức và hoạt động của Quốc hội được tiến hành theo những quy trình riêng. Trong đó, mỗi quy trình sẽ gồm có nhiều bước, nhiều giai đoạn khác nhau được tiến hành theo một trình tự chặt chẽ, nghiêm ngặt. Mỗi bước, mỗi giai đoạn lại gồm nhiều nhiệm vụ và có sự tham gia thực hiện của nhiều chủ thể khác nhau. Do đó, một yêu cầu đặt ra đối với các chủ thể tham gia vào các hoạt động của Quốc hội, trong đó có các đại biểu Quốc hội là cần nắm bắt và thực hiện đầy đủ các quy định trong các quy trình này. Việc hiểu và nắm rõ về quy trình giúp cho đại biểu Quốc hội phát huy vai trò của mình trong hoạt động của Quốc hội.

Để tạo thuận lợi cho các đại biểu Quốc hội khóa XV trong việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu của mình, nhất là những đại biểu Quốc hội lần đầu tham gia hoạt động của Quốc hội, góp phần tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Thư viện Quốc hội đã chủ động biên soạn Bộ ấn phẩm về quy trình hoạt động của Quốc hội gồm có: (i) *Đại biểu Quốc hội trong quy trình lập pháp*; (ii) *Đại biểu Quốc hội trong quy trình giám sát*; và (iii) *Đại biểu Quốc hội trong quy trình quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước*; cùng với đó là ấn phẩm (2 tập) *Văn bản quy phạm pháp luật về Quốc hội và đại biểu Quốc hội*.

Đây là Bộ ấn phẩm được biên soạn công phu, kết hợp giữa việc khái quát ngắn gọn nội dung với việc thiết kế đồ họa đã thể hiện các quy định của pháp luật hiện hành thành các quy trình sinh động, dễ hiểu. Hơn nữa, Bộ ấn phẩm cũng giới thiệu những nét cơ bản về vai trò, nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội, cũng như các kỹ năng của đại biểu Quốc hội cần có, cơ chế hỗ trợ đại biểu trong quá trình hoạt động và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Tôi xin trân trọng giới thiệu đến các vị đại biểu Quốc hội Bộ ấn phẩm trên. Hy vọng rằng, Bộ ấn phẩm này sẽ mang tới những thông tin tham khảo hữu ích và sự thuận lợi trong quá trình tra cứu giúp cho các vị đại biểu Quốc hội thực hiện tốt vai trò, vị trí “là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân... thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước trong Quốc hội”.

Trân trọng giới thiệu!



TS. Bùi Văn Cường
ỦY VIÊN BCH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG THƯ KÝ QUỐC HỘI

LỜI TỰA

Lập pháp là một trong ba chức năng quan trọng của Quốc hội. Trong những năm qua, thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, hoạt động lập pháp của Quốc hội từ khóa XI đến khóa XIV đã có nhiều đổi mới, tiến bộ cả về chất lượng và số lượng. Quy trình lập pháp được đổi mới từ khâu lập và thông qua Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh đến việc bảo đảm để chính sách, luật, pháp lệnh ban hành sớm đi vào cuộc sống.

Thư viện Quốc hội được thành lập và hoạt động theo xu hướng mô hình Thư viện Nghị viện các nước trên thế giới. Bên cạnh chức năng xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, kết nối và phát triển tài nguyên thông tin phù hợp với người sử dụng thư viện như sách báo, tạp chí, ấn phẩm, tài liệu thì Thư viện Quốc hội còn có chức năng đặc thù giống Thư viện Nghị viện nhiều nước trên thế giới, khác hẳn với các thư viện truyền thống, đó là chức năng tổ chức cung cấp thông tin hỗ trợ hoạt động của đại biểu Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội.

Để chuẩn bị nguồn lực thông tin tham khảo cung cấp phục vụ đại biểu Quốc hội khóa XV, Thư viện Quốc hội với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tổ chức Hanns Seidel Foundation (HSF) tại Việt Nam tổ chức biên soạn và xuất bản ấn phẩm “Đại biểu Quốc hội trong quy trình lập pháp”. Ấn phẩm được biên soạn với mong muốn góp phần giúp đại biểu Quốc hội dễ dàng nắm bắt

được các bước trong từng giai đoạn của quá trình lập pháp của Quốc hội. Bên cạnh đó, ấn phẩm giới thiệu một số kỹ năng, cách thức thực hiện, vai trò, nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội trong từng bước, từng giai đoạn và một số cơ chế hỗ trợ đại biểu Quốc hội trong hoạt động lập pháp.

Ấn phẩm “Đại biểu Quốc hội trong quy trình lập pháp” được Thư viện Quốc hội thực hiện theo hình thức vừa giới thiệu nội dung cơ bản theo quy định của pháp luật hiện hành, vừa mô tả các bước trong từng giai đoạn của quy trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội bằng các hình ảnh đồ họa sinh động, dễ hiểu.

Thư viện Quốc hội xin chân thành cảm ơn các vị đại biểu Quốc hội, các chuyên gia, các nhà khoa học đã tham gia biên soạn, đóng góp ý kiến cho nội dung ấn phẩm và sự hỗ trợ kỹ thuật của tổ chức Hanns Seidel Foundation (HSF) tại Việt Nam trong quá trình biên soạn và phát hành ấn phẩm này.

Thư viện Quốc hội trân trọng gửi đến các vị đại biểu Quốc hội ấn phẩm này; hi vọng sẽ mang lại những thông tin tham khảo hữu ích đối với đại biểu Quốc hội. Trong quá trình biên soạn, chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, Thư viện Quốc hội rất mong nhận được các ý kiến nhận xét, góp ý của các vị đại biểu Quốc hội và bạn đọc để hoàn thiện cho những lần tái bản sau.

Mọi thông tin liên hệ xin gửi về: *Thư viện Quốc hội - Văn phòng Quốc hội. Địa chỉ: Nhà Quốc hội, Đường Độc Lập, Ba Đình, Hà Nội.*

Email: thuvienquochoi@quochoi.vn;

Điện thoại: 080.41984; 08041459.

THƯ VIỆN QUỐC HỘI

CHƯƠNG I

NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TRONG QUY TRÌNH LẬP PHÁP

1. TỔNG QUAN VỀ QUY TRÌNH LẬP PHÁP

1.1. Văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành

Theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL, QH có thẩm quyền ban hành luật và nghị quyết; UBTVQH có thẩm quyền ban hành pháp lệnh, nghị quyết và nghị quyết liên tịch. Nội dung chi tiết về các VBQPPL do QH, UBTVQH ban hành được thể hiện trong sơ đồ 1¹.

1. Điều 4, Luật Ban hành VBQPPL hiện hành quy định, Hiến pháp là một dạng văn bản nằm trong hệ thống VBQPPL của Việt Nam, do QH ban hành. Tuy nhiên, Luật Ban hành VBQPPL “không quy định việc làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp”. “Việc làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp” được thực hiện theo quy trình, thủ tục riêng do QH quyết định. Vì vậy, trong ấn phẩm này, chúng tôi không giới thiệu về quy trình xây dựng, ban hành Hiến pháp.

SƠ ĐỒ 1
**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
DO QH, UBND BAN HÀNH**



01. QH ban hành Luật (Bộ Luật, Luật) để quy định:



Tổ chức và hoạt động của QH, Chủ tịch nước, CP, TAND, VKSND, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và cơ quan khác do QH thành lập;



Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân mà theo Hiến pháp phải do luật định; việc hạn chế quyền con người, quyền công dân; tội phạm và hình phạt;



Chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia, ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế;



Chính sách cơ bản về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường;



Quốc phòng, an ninh quốc gia;



Chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước;



Hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân; hàm, cấp ngoại giao; hàm, cấp nhà nước khác; huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước;



Chính sách cơ bản về đối ngoại;



Trung cầu ý dân;



Cơ chế bảo vệ Hiến pháp;



Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của QH.

02. QH ban hành nghị quyết để quy định:



Tỷ lệ phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;



Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của QH nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;



Tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của QH đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển KTXH, bảo đảm quyền con người, quyền công dân;



Quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia;



Đại xá;



Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của QH.

Pháp lệnh

**ỦY BAN
THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
BAN HÀNH**

Nghị quyết

Nghị quyết liên tịch
giữa UBTVQH, CP, Đoàn Chủ tịch Ủy ban
Trung ương MTTQVN

01. UBTVQH ban hành pháp lệnh để quy định:



Những vấn đề được QH giao.

02. UBTVQH ban hành nghị quyết để quy định:



Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh;



Tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển KTXH;



Bãi bỏ pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH; trường hợp bãi bỏ pháp lệnh thì UBTVQH có trách nhiệm báo cáo QH tại kỳ họp gần nhất;



Tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;



Hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân;



Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của UBND.

03. UBND, CP, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQVN ban hành nghị quyết liên tịch để quy định:



Quy định chi tiết những vấn đề được luật giao hoặc hướng dẫn một số vấn đề cần thiết trong công tác bầu cử ĐBQH, đại biểu Hội đồng nhân dân.

(Điều 4, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Luật Ban hành VBQPPL)



1.2 Tổng quan về quy trình lập pháp

Quy trình lập pháp bao gồm (i) quy trình xây dựng, ban hành luật, nghị quyết của QH và (ii) quy trình xây dựng, ban hành pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH.

(i) Quy trình xây dựng, ban hành luật, nghị quyết của QH gồm các bước cơ bản sau: (1) Lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; (2) Soạn thảo; (3) Thẩm tra; (4) UBTVQH cho ý kiến đối với dự án luật, dự thảo nghị quyết của QH; (5) Xem xét, thông qua dự án, dự thảo; và (6) Công bố (xem sơ đồ 2).

(ii) Quy trình xây dựng, ban hành pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH bao gồm các bước cơ bản sau: (1) Lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; (2) Soạn thảo; (3) Thẩm tra; (4) Xem xét, thông qua dự án, dự thảo; (5) Công bố (xem sơ đồ 3).

Ngoài ra, QH, UBTVQH quyết định xây dựng, ban hành luật, pháp lệnh, nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn¹ trong một số trường hợp sau đây:

- Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

- Trường hợp cần ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của VBQPPL để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với VBQPPL mới được ban hành; trường hợp cần ban hành ngay VBQPPL để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCNVN là thành viên.

1. Điều 146, Luật Ban hành VBQPPL, Văn bản hợp nhất số 23/VBHN-VPQH ngày 15 tháng 7 năm 2020 của VPQH.

- Trường hợp cần bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ VBQPPL trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển KTXH.

- Trường hợp cần kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần của VBQPPL trong một thời hạn nhất định để giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn.

Luật Ban hành VBQPPL đã quy định cụ thể về quy trình xây dựng, ban hành luật, pháp lệnh, nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn. Theo đó, so với quy trình lập pháp thông thường, quy trình rút gọn có lược bỏ bớt một số bước, rút ngắn thời gian thực hiện các bước, đơn giản hóa hồ sơ, tài liệu (xem sơ đồ 4).

SƠ ĐỒ 2

QUY TRÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI



1

LẬP CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH

Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được xây dựng hằng năm trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, chiến lược phát triển KTXH, quốc phòng, an ninh và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

QH quyết định Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh tại kỳ họp thứ nhất của năm trước.



2

SOẠN THẢO DỰ ÁN LUẬT, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự án luật, dự thảo nghị quyết của QH do cơ quan chủ trì soạn thảo, Ban soạn thảo tiến hành soạn thảo.

Tùy từng trường hợp, Ban soạn thảo dự án, dự thảo sẽ được thành lập bởi UBND; bộ hoặc cơ quan ngang bộ; TAND tối cao; VKSND tối cao; MTTQVN và các tổ chức thành viên.



3

THẨM TRA DỰ ÁN LUẬT, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự án, dự thảo trước khi trình QH, UBND thảo luận, cho ý kiến phải được HĐDT, các UB của QH thẩm tra.


4

UBTVQH XEM XÉT, CHO Ý KIẾN VỀ DỰ ÁN LUẬT, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Tùy theo tính chất và nội dung của dự án luật, dự thảo nghị quyết của QH, UBTVQH có thể xem xét, cho ý kiến vào dự án, dự thảo một lần hoặc nhiều lần.

Cơ quan, tổ chức, ĐBQH trình dự án luật, dự thảo nghị quyết có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến của UBTVQH.


5

QH XEM XÉT, THÔNG QUA LUẬT, NGHỊ QUYẾT

QH xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại một hoặc hai kỳ họp QH; trường hợp dự án luật lớn, nhiều điều, khoản có tính chất phức tạp thì QH có thể xem xét, thông qua tại ba kỳ họp QH.


6

CÔNG BỐ LUẬT, NGHỊ QUYẾT

Chủ tịch nước ban hành lệnh để công bố luật chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày luật được thông qua. Đối với luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì Chủ tịch nước công bố luật chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày luật được thông qua.

TTKQH công bố nghị quyết của QH chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Đối với nghị quyết được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì TTKQH công bố chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

SƠ ĐỒ 3

QUY TRÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA UBND



1

LẬP CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH

Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được xây dựng hằng năm trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, chiến lược phát triển KTXH, quốc phòng, an ninh và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

QH quyết định Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh tại kỳ họp thứ nhất của năm trước.



2

SOẠN THẢO DỰ ÁN PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA UBND

Dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của UBND do cơ quan chủ trì soạn thảo, Ban soạn thảo tiến hành soạn thảo.

Tùy từng trường hợp, Ban soạn thảo dự án, dự thảo sẽ được thành lập bởi UBND; bộ hoặc cơ quan ngang bộ; TAND tối cao; VKSND tối cao; MTTQVN và các tổ chức thành viên.



3

THẨM TRA DỰ ÁN PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA UBND

Dự án, dự thảo trước khi trình UBND thảo luận, cho ý kiến phải được HĐDT, các UB của QH thẩm tra.


4

UBTVQH XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBTVQH xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết tại một hoặc hai phiên họp UBTVQH.


5

CÔNG BỐ PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA UBTVQH

Chủ tịch nước ban hành lệnh để công bố pháp lệnh chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày pháp lệnh được thông qua. Đối với pháp lệnh được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì Chủ tịch nước công bố chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày pháp lệnh được thông qua.

TTKQH công bố nghị quyết của UBTVQH chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Đối với nghị quyết được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì TTKQH công bố chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

SƠ ĐỒ 4 QUY TRÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH LUẬT, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT THEO TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN



1

QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP PHÁP RÚT GỌN

QUỐC HỘI

Quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành luật, nghị quyết của QH theo đề nghị của UBNDQH.



Luật



Nghị quyết

UBNDQH

Quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành pháp lệnh, nghị quyết của UBNDQH.



Nghị quyết



Pháp lệnh

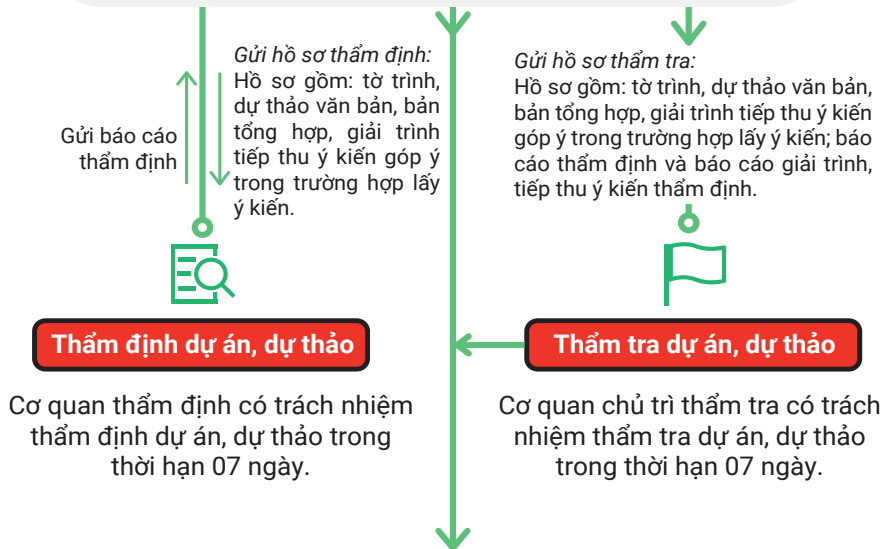
2

SOẠN THẢO DỰ ÁN LUẬT, PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo.
2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tổ chức việc lấy ý kiến đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự án, dự thảo. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn lấy ý kiến không quá 20 ngày.
3. Nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định dự án, dự thảo.

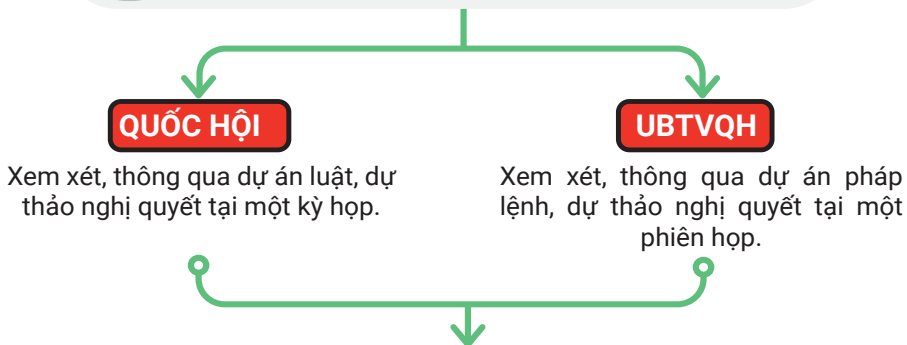
3

THẨM ĐỊNH, THẨM TRA DỰ ÁN, DỰ THẢO



4

XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN, DỰ THẢO



5

CÔNG BỐ LUẬT, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT

Chủ tịch nước ban hành lệnh để công bố luật, pháp lệnh chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày được thông qua.

TTKQH công bố nghị quyết của QH, nghị quyết của UBTVQH chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày được thông qua.

1.3 Quyền, trách nhiệm của đại biểu Quốc hội trong hoạt động lập pháp

SƠ ĐỒ 5

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA ĐBQH TRONG HOẠT ĐỘNG LẬP PHÁP

Trách nhiệm của ĐBQH



1 ĐBQH có trách nhiệm tham gia thảo luận và biểu quyết thông qua các dự án luật, dự thảo nghị quyết của QH tại các phiên họp toàn thể của QH. Tham gia thảo luận về các dự án, dự thảo tại các phiên họp Tổ ĐBQH, họp Đoàn ĐBQH.

2 ĐBQH có trách nhiệm tham dự các phiên họp thẩm tra, tham gia các hoạt động khác (Hội thảo, Đoàn khảo sát...) để phục vụ công tác thẩm tra của hội đồng, ủy ban mà mình là thành viên; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐDT, ủy ban mà mình là thành viên.

3 ĐBQH hoạt động chuyên trách có trách nhiệm tham gia hội nghị ĐBQH hoạt động chuyên trách và các hội nghị khác do UBNDVQH triệu tập để thảo luận về các dự án, dự thảo. ĐBQH hoạt động không chuyên trách có quyền đăng ký tham dự hội nghị ĐBQH hoạt động chuyên trách để thảo luận về những nội dung mà đại biểu quan tâm.

Quyền của ĐBQH



1 ĐBQH có quyền kiến nghị về luật, pháp lệnh.

2 ĐBQH có quyền đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh.

3 ĐBQH có quyền kiến nghị QH làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp.

(Điều 26, Điều 29, Điều 33, Luật Tổ chức QH và Điều 33, Luật Ban hành VBQPPL)

2. LẬP CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH

Lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh là giai đoạn hình thành sáng kiến lập pháp, lên kế hoạch, định hướng và xác định thứ tự ưu tiên trong hoạt động lập pháp của QH, UBTVQH. Giai đoạn này gồm các bước cụ thể như sau: (i) CP lập đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, các chủ thể khác lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh của ĐBQH; (ii) Thẩm tra đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh; (iii) UBTVQH lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; (iv) QH xem xét, thông qua Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm.

SƠ ĐỒ 6 QUY TRÌNH LẬP CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH



1



CHÍNH PHỦ

Đề nghị về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh



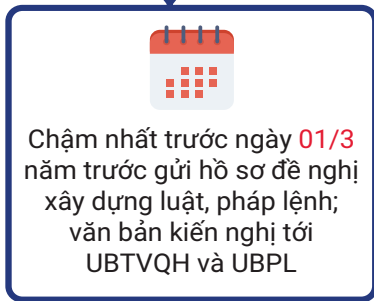
CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC (*)

Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh



ĐBQH

Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh
Kiến nghị về luật, pháp lệnh



CHÍNH PHỦ

Cho ý kiến đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh không do CP trình và kiến nghị về luật, pháp lệnh.

2



ỦY BAN PHÁP LUẬT

Tập hợp và chủ trì thẩm tra đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh và kiến nghị về luật, pháp lệnh.



HĐDT, CÁC UB KHÁC CỦA QH

Phối hợp thẩm tra

3



UBTVQH



ỦY BAN PHÁP LUẬT

Xem xét, cho ý kiến về đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh; Lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh trình QH

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp UBTVQH lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh

4



QUỐC HỘI

Xem xét, thông qua Dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh

(*): Điều 32, Luật Ban hành VBQPPL quy định, "các cơ quan tổ chức" ở đây bao gồm: Chủ tịch nước, UBTVQH, HĐDT, các UB của QH; TAND tối cao; VKSND tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban Trung ương MTTQVN và cơ quan Trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận.

2.1 Lập đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh (đối với Chính phủ), lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh đối với các chủ thể khác¹, kiến nghị về luật, pháp lệnh của đại biểu Quốc hội

a) Đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Chính phủ

Quy trình lập đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của CP gồm có 04 bước: (i) Lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; (ii) Thẩm định đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; (iii) CP xem xét, thông qua đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; (iv) Lập đề nghị của CP về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh (*xem sơ đồ 7*).

1. Các chủ thể khác theo quy định của Điều 32, Luật Ban hành VBQPPL gồm có: Chủ tịch nước, UBND, HĐND, UB của QH, CP, TAND tối cao, VKSND tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban Trung ương MTTQVN và cơ quan trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận.

SƠ ĐỒ 7

QUY TRÌNH CHÍNH PHỦ LẬP ĐỀ NGHỊ VỀ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH



01

LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH



Bộ, cơ quan ngang bộ tự mình hoặc theo phân công của Thủ tướng CP có trách nhiệm lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh.



Hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh gồm các văn bản sau đây:

1. Tờ trình đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;
2. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;
3. Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;
4. Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác; bản chụp ý kiến góp ý;
5. Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo luật, pháp lệnh.



02

THẨM ĐỊNH ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH



Các bộ, cơ quan ngang bộ lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Bộ Tư pháp để thẩm định.



Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trước khi trình CP.



Cơ quan lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh và đồng thời gửi đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh đã được chỉnh lý kèm theo báo cáo giải trình, tiếp thu cho Bộ Tư pháp khi trình CP.



03

XEM XÉT, THÔNG QUA ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH



Bộ, cơ quan ngang bộ lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh có trách nhiệm trình CP hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức phiên họp của CP.



CP tổ chức phiên họp xem xét, thông qua đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh theo trình tự được quy định tại Điều 41, Luật Ban hành VBQPPL.



04

LẬP ĐỀ NGHỊ CỦA CP VỀ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH TRÌNH UBND



Bộ, cơ quan ngang bộ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trên cơ sở nghị quyết của CP và gửi Bộ Tư pháp để lập đề nghị của CP về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.



Bộ Tư pháp có trách nhiệm giúp CP lập đề nghị về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh trên cơ sở các đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh đã được CP thông qua.



CP xem xét, thảo luận Đề nghị về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh theo trình tự được quy định tại Khoản 2, Điều 43, Luật Ban hành VBQPPL.

b) Lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh không do Chính phủ trình

Quy trình lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh không do CP trình gồm có 05 bước sau: (i) Chuẩn bị trước khi lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; (ii) Lập hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; (iii) Tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; (iv) Lấy ý kiến của CP; (v) Xem xét, thông qua đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh (*xem sơ đồ 8*).

SƠ ĐỒ 8

TRÌNH TỰ LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH KHÔNG DO CHÍNH PHỦ TRÌNH



1 Trước khi lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, cơ quan, tổ chức, ĐBQH tiến hành hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tiến hành các hoạt động sau đây:



Tổng kết việc thi hành pháp luật có liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;



Tổ chức nghiên cứu khoa học; nghiên cứu thông tin, tư liệu, điều ước quốc tế mà CHXHCNVN là thành viên có liên quan. Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;



Xây dựng nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; đánh giá tác động của chính sách;



Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành luật, pháp lệnh sau khi được QH, UBTVQH thông qua.

(Khoản 1, Điều 34, Luật Ban hành VBQPPL)

2

Hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh bao gồm:

1

Tờ trình đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;

3

Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;

5

Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo luật, pháp lệnh.

2

Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;

4

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác; bản chụp ý kiến góp ý;

(Khoản 2, Điều 34 và
khoản 1, Điều 37,
Luật Ban hành VBQPPL)

3

Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh:

1

Đăng tải báo cáo tổng kết, báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trên Cổng thông tin điện tử của QH đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của UBND, HĐND, UB của QH, ĐBQH, Cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức có đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

2

Lấy ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức họp để lấy ý kiến về những chính sách cơ bản trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh.

3

Tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý; đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu trên các Cổng thông tin điện tử đã nói trên.



Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của TAND tối cao, VKSND tối cao, đơn vị được phân công lập đề nghị có trách nhiệm lấy ý kiến của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Ủy ban Kiểm sát VKSND tối cao trước khi báo cáo Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao.

(Khoản 3, Điều 34; khoản 1, Điều 36; và khoản 2 của Điều 45, Luật Ban hành VBQPPL)

4

Lấy ý kiến của Chính phủ:



Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan chuẩn bị ý kiến của CP đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh không do CP trình và kiến nghị về luật, pháp lệnh để CP thảo luận.



Bộ Tư pháp có trách nhiệm chính lý dự thảo ý kiến của CP trên cơ sở kết luận của Thủ tướng CP, trình Thủ tướng CP xem xét, quyết định.

(Khoản 4, Điều 34 và Điều 44, Luật Ban hành VBQPPL)



CP xem xét, thảo luận về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh không do CP trình và kiến nghị về luật, pháp lệnh theo trình tự sau đây:

A

Đại diện Bộ Tư pháp trình bày dự thảo ý kiến của CP;

B

Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

C

CP thảo luận;

D

Thủ tướng CP kết luận.

5

Xem xét, thông qua đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh:

1

UBTVQH, HĐDT, UB của QH, Ủy ban Trung ương MTTQVN và cơ quan trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận tổ chức phiên họp để xem xét, thông qua đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh theo trình tự sau đây:

A

Đại diện cơ quan, đơn vị được phân công lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trình bày tờ trình đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;

B

Đại diện CP phát biểu ý kiến về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;

C

Đại diện cơ quan, tổ chức khác tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

D

UBTVQH, HĐDT, UB của QH, Ủy ban Trung ương MTTQVN và cơ quan trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận thảo luận và biểu quyết thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Chính sách được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên UBTVQH, HĐDT, UB của QH, Ủy ban Trung ương MTTQVN và cơ quan trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận biểu quyết tán thành.

2

Chủ tịch nước, Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét, thông qua đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh theo trình tự sau đây:

A

Cơ quan, đơn vị được phân công lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh báo cáo Chủ tịch nước, Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;

B

Chủ tịch nước, Chánh án TAND, Viện trưởng VKSND tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét, quyết định việc trình đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh.

3

ĐBQH tự mình hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ để lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; trường hợp đề nghị cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ thì ĐBQH xem xét, quyết định việc trình đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh theo trình tự sau đây:

A

Cơ quan hỗ trợ ĐBQH lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh báo cáo ĐBQH về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;

B

ĐBQH xem xét, quyết định việc trình đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh.

(Khoản 3, khoản 4, Khoản 5, Điều 45, Luật Ban hành VBQPPL)

2.2 Thẩm tra đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh

SƠ ĐỒ 9

THẨM TRA ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH, KIẾN NGHỊ VỀ LUẬT, PHÁP LỆNH

1

Chậm nhất vào ngày 01 tháng 3 của năm trước, đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh phải được gửi đến UBPL của QH để thẩm tra. Hồ sơ dự án, dự thảo bao gồm các tài liệu sau đây:

Đối với đề nghị của CP về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, hồ sơ gồm:

- Tờ trình và dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của CP;
- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;
- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;
- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác; bản chụp ý kiến góp ý;
- Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo luật, pháp lệnh.

Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của cơ quan, tổ chức khác, ĐBQH, hồ sơ gồm:

- Tờ trình đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;
- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;
- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;
- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác; bản chụp ý kiến góp ý;
- Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo luật, pháp lệnh;
- Ý kiến của CP về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh.

Đối với kiến nghị về luật, pháp lệnh của ĐBQH thì tài liệu gồm văn bản kiến nghị về luật, pháp lệnh và ý kiến của CP về kiến nghị về luật, pháp lệnh.



UBPL tập hợp và chủ trì thẩm tra đề nghị về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của cơ quan, tổ chức, ĐBQH và kiến nghị về luật, pháp lệnh của ĐBQH.

HĐDT, UB của QH có trách nhiệm thẩm tra đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh thuộc lĩnh vực do mình phụ trách, gửi văn bản thẩm tra đến UBPL và cử đại diện tham dự phiên họp thẩm tra của UBPL.



Hoạt động thẩm tra tập trung vào các nội dung, vấn đề sau đây:

Sự cần thiết ban hành;

Đối tượng, phạm vi điều chỉnh;

Chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh;

Sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước;

Tính thống nhất, tính khả thi, thứ tự ưu tiên, thời điểm trình, điều kiện bảo đảm để xây dựng và thi hành văn bản.

(Điều 37, Điều 46, Điều 47, Luật Ban hành VBQPPL)

2.3 Ủy ban Thường vụ Quốc hội lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh¹



1. Điều 48, Luật Ban hành VBQPPL.

UBTVQH THẢO LUẬN

Đại diện CP, đại diện các cơ quan khác, tổ chức, ĐBQH có đề nghị, kiến nghị xây dựng luật, pháp lệnh có thể trình bày bổ sung những vấn đề nêu ra tại phiên họp

CHỦ TỌA PHIÊN HỌP KẾT LUẬN



2.

UBTVQH LẬP DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH

UBTVQH lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh trình QH xem xét, quyết định;

Thường trực UBPL chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp UBTVQH lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh;

Hồ sơ dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh gồm: Tờ trình và dự thảo nghị quyết của QH về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, kèm theo hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh đã được gửi tới.

2.4 Quốc hội xem xét, thông qua dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh¹

SƠ ĐỒ 11

TRÌNH TỰ QH XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH



1

TRÌNH DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH



Đại diện
UBTVQH

Trình bày Tờ trình về dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh tại phiên họp toàn thể

Dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh có thể được thảo luận ở Tổ ĐBQH

2

THẢO LUẬN TẠI PHIÊN HỌP TOÀN THỂ



Quốc hội

Thảo luận tại phiên họp toàn thể về dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh

3

NGHIÊN CỨU, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU, CHỈNH LÝ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH

1. Điều 49, Luật Ban hành VBQPPL.



UBTVQH chỉ đạo.



Thường trực UBPL chủ trì, phối hợp với đại diện CP và cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết của QH về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

4

BÁO CÁO QH VỀ VIỆC TIẾP THU, CHỈNH LÝ



UBTVQH báo cáo QH về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh

5

QH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH



Biểu quyết thông qua Nghị quyết về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh

Quốc hội

2.5 Sự tham gia của đại biểu Quốc hội vào quy trình lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh

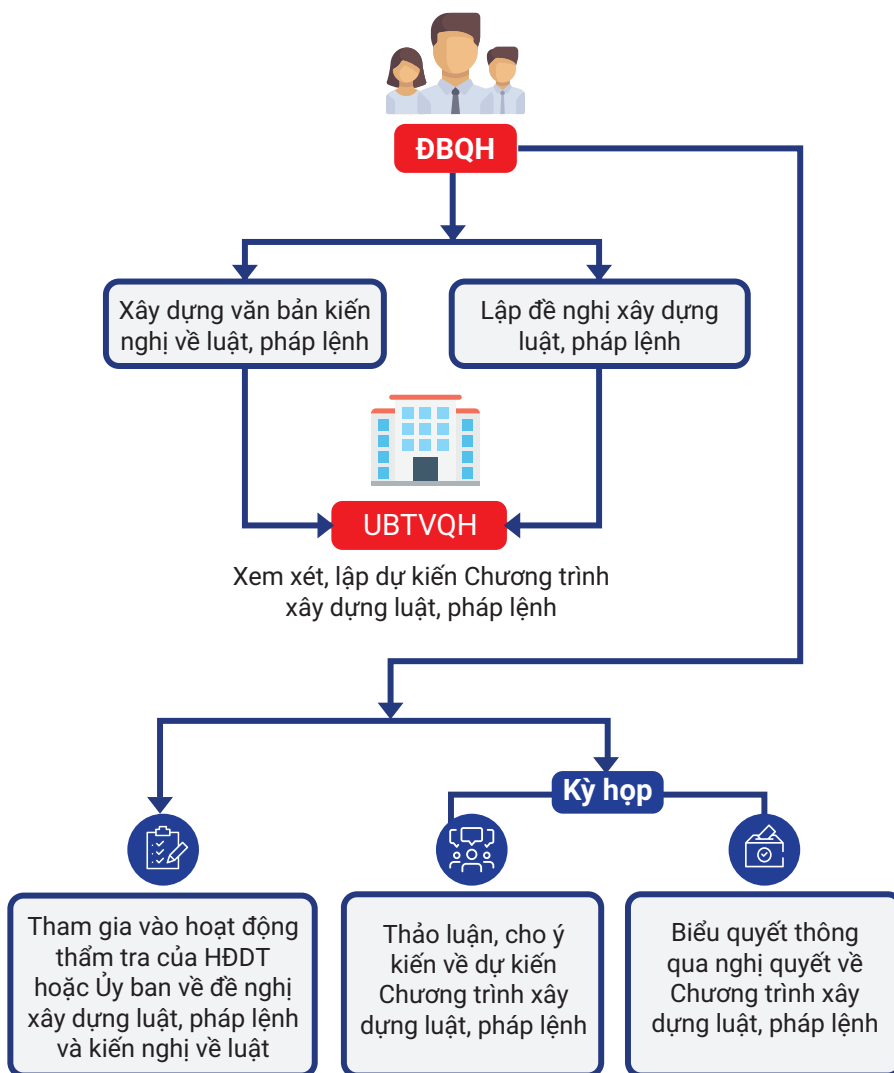
Theo quy định của pháp luật hiện hành, ĐBQH có thể tham gia trực tiếp vào các bước cụ thể của giai đoạn lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh:

* ĐBQH có quyền tự mình xây dựng văn bản kiến nghị về luật, pháp lệnh; xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh hoặc có quyền đề nghị VPQH, Viện NCLP hỗ trợ xây dựng văn bản kiến nghị, hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh để gửi tới UBTVQH xem xét, lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

* ĐBQH có thể trực tiếp tham gia vào hoạt động thẩm tra, thảo luận, cho ý kiến về dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và biểu quyết thông qua Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

SƠ ĐỒ 12

SỰ THAM GIA CỦA ĐBQH VÀO QUY TRÌNH LẬP CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH



2.5.1 Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh và kiến nghị về luật, pháp lệnh

Luật Ban hành VBQPPL hiện hành quy định ĐBQH có quyền đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh và kiến nghị về luật, pháp lệnh. Kiến nghị về luật, pháp lệnh là một hình thức trình sáng kiến trong hoạt động lập pháp khá đơn giản của ĐBQH. Nếu thực hiện quyền kiến nghị về luật, pháp lệnh, ĐBQH có trách nhiệm gửi *Văn bản kiến nghị về luật, pháp lệnh*¹ tới UBND, UBPL để xem xét đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Nội dung của văn bản này cần nêu rõ được sự cần thiết phải ban hành luật, pháp lệnh; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự án luật, pháp lệnh; quan điểm, chính sách, nội dung chính của dự án luật, pháp lệnh².

Đối với việc thực hiện quyền đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, ĐBQH có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể được quy định trong Luật Ban hành VBQPPL về việc đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh như các chủ thể trình khác. Theo đó, để thực hiện quyền đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, ĐBQH phải tự mình hoặc đề nghị VPQH, VNCLP hỗ trợ thực hiện một hoặc nhiều công đoạn khác nhau, từ công đoạn chuẩn bị, công đoạn lập hồ sơ, xin ý kiến CP, gửi hồ sơ tới UBND, UBPL...

1. Luật Ban hành VBQPPL hiện hành quy định, ĐBQH có thể tự mình hoặc đề nghị VPQH, VNCLP hỗ trợ trong việc xây dựng văn bản kiến nghị về luật, pháp lệnh.

2. Khoản 2, Điều 37, Luật Ban hành VBQPPL.

Hộp: So sánh một số điểm giữa đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh và kiến nghị về luật, pháp lệnh¹

Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh	Kiến nghị về luật, pháp lệnh
<p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; - Kết quả tổng kết thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến chính sách của dự án luật, pháp lệnh; - Yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển KTXH; bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; - Cam kết trong điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCNVN là thành viên. 	<p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; - Yêu cầu phát triển KTXH, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; - Cam kết trong điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCNVN là thành viên.
<p>Nhiệm vụ của ĐBQH:</p> <p>1) Trước khi lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, ĐBQH tiến hành hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tiến hành các hoạt động sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> +) Tổng kết việc thi hành pháp luật có liên quan; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; +) Tổ chức nghiên cứu khoa học về các vấn đề liên quan để hỗ trợ cho việc lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; nghiên cứu thông tin, tư liệu, điều ước quốc tế 	<p>Nhiệm vụ của ĐBQH:</p> <p>1) ĐBQH có quyền tự mình hoặc đề nghị VPQH, VNCLP hỗ trợ trong việc lập văn bản kiến nghị về luật, pháp lệnh;</p> <p>2) ĐBQH kiến nghị về luật, pháp lệnh có trách nhiệm lấy ý kiến của CP và nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của CP.</p>

1. Luật Ban hành VBQPPL.

Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh	Kiến nghị về luật, pháp lệnh
<p>mà CHXHCNVN là thành viên có liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;</p> <p>+) Xây dựng nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; đánh giá tác động của chính sách;</p> <p>+) Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành khi được thông qua.</p> <p>2) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL.</p> <p>3) Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.</p> <p>4) Lấy ý kiến của CP và nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của CP.</p>	
<p>Hồ sơ đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; - Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; - Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; 	<p>Tài liệu của kiến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản kiến nghị về luật, pháp lệnh phải nêu rõ sự cần thiết ban hành, đối tượng, phạm vi điều chỉnh, mục đích, yêu cầu ban hành, quan điểm, chính sách, nội dung chính của luật, pháp lệnh.

Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh	Kiến nghị về luật, pháp lệnh
<ul style="list-style-type: none"> - Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác; bản chụp ý kiến góp ý; - Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo luật, pháp lệnh. - Ý kiến của Chính phủ về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ý kiến của CP về kiến nghị về luật, pháp lệnh.

Lịch sử lập pháp của nước ta cho thấy, khi thực hiện kiến nghị về luật, pháp lệnh, đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, các ĐBQH thường gặp nhiều khó khăn, thách thức. Để có thể thành công trong việc đưa đề nghị, kiến nghị lập pháp của mình vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, ĐBQH có thể vận dụng các kinh nghiệm, kỹ năng như:

a) Phát hiện và lựa chọn vấn đề

Kỹ năng phát hiện vấn đề sẽ giúp ĐBQH lựa chọn, chất lọc từ những vấn đề, sự kiện để khái quát thành những vấn đề chung, mang tính đại diện hình thành nên sáng kiến, góp phần xây dựng chính sách pháp luật¹.

Các vấn đề lập pháp có thể được ĐBQH phát hiện từ: ý kiến, kiến nghị của cử tri; truyền thông, dư luận xã hội, mạng xã hội hoặc từ những nghiên cứu của cá nhân đại biểu và vấn đề phát sinh trong hoạt động chuyên môn của đại biểu...

Quá trình để tìm hiểu, phát hiện và lựa chọn vấn đề lập pháp phù hợp gồm các bước sau: Nhận biết vấn đề; phân tích vấn đề, hình dung các giải pháp; Lựa chọn giải pháp trình đề

1. Trung tâm Bồi dưỡng đại biểu dân cử, VPQH, “ĐBQH - những điều cần biết”, Hà Nội, năm 2011, tr.180.

ngợi, kiến nghị nếu phù hợp. Một số câu hỏi có thể giúp ĐBQH trong việc phát hiện và lựa chọn vấn đề lập pháp như: Vấn đề mà chúng ta đang tìm cách giải quyết là gì? Các đối tượng liên quan đến vấn đề là những ai? Phạm vi ảnh hưởng của vấn đề đến địa giới hành chính nào (vấn đề của địa phương hay vấn đề của Quốc gia)? Vấn đề có thuộc thẩm quyền giải quyết của QH không? Các giải pháp giải quyết vấn đề là gì? Giải pháp ban hành luật, pháp lệnh để giải quyết vấn đề có phải là giải pháp duy nhất không?¹

b) Thu thập, xử lý thông tin

Thông tin là yếu tố đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của ĐBQH nói chung và trong việc thực hiện quyền đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh nói riêng. ĐBQH có thể thu nhận từ nhiều nguồn thông tin khác nhau như: từ cử tri; từ CP; từ chuyên gia, nhà nghiên cứu; từ các tổ chức xã hội, các trường đại học và các cơ sở nghiên cứu; từ báo chí, các cơ quan truyền thông hay từ các cơ quan của VPQH... Mỗi nguồn thông tin có điểm mạnh và điểm yếu của mình².

Khi thực hiện quyền đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh, các ĐBQH thường sẽ gặp các khó khăn, thách thức nhất định trong việc thu thập, xử lý thông tin. *“ĐBQH có thể thu thập thông tin từ nhiều nguồn và thông tin đều có giá trị tham khảo nhất định. Tuy nhiên, những thông tin hữu dụng nhất, thiết thực nhất đối với đại biểu là “báo cáo nghiên cứu theo đặt hàng” được cung cấp bởi các cơ quan của UBND, VPQH”*. Các “báo cáo theo đặt hàng” này được VPQH (cụ thể

1. Trung tâm Bồi dưỡng đại biểu dân cử, VPQH, “ĐBQH - những điều cần biết”, Hà Nội, năm 2011, tr.181.

2. Trung tâm Bồi dưỡng đại biểu dân cử, VPQH, “ĐBQH - những điều cần biết”, Hà Nội, năm 2011, tr.180.

là Thư viện Quốc hội) và VNCLP cung cấp theo yêu cầu của ĐBQH¹.

Ngoài ra, việc tiến hành hoặc tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học thường xuyên sẽ tạo điều kiện để ĐBQH nắm bắt được cơ sở lý luận, khoa học và thực tiễn về vấn đề mà mình quan tâm, đồng thời góp phần tra dồi, phát triển kỹ năng phân tích, xử lý thông tin cho đại biểu.

Việc thu thập, phân tích và xử lý thông tin trong đề nghị, kiến nghị lập pháp của ĐBQH có thể được thực hiện dựa trên các hoạt động được quy định trong Luật Ban hành VBQPPL, cụ thể:

➤ Cập nhật, tổng hợp thông tin, nắm bắt tổng quan tình hình chung về vấn đề chính sách (để thực hiện nhiệm vụ “Tổng kết việc thi hành pháp luật có liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh”);

➤ So sánh, đối chiếu/xử lý các số liệu, thông tin (để thực hiện nhiệm vụ “Khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội”; “Xây dựng nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh”; “đánh giá tác động của chính sách”....);

➤ Xử lý thông tin để chia sẻ, cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền (để thực hiện nhiệm vụ “Tổ chức lấy ý kiến về dự án, dự thảo”);

➤ Xử lý thông tin để viết các bài nghiên cứu đăng tải trên báo chí, trả lời phỏng vấn của báo chí (để thu hút ý kiến góp ý vào Hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh khi được “đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của QH”);

1. Trần Thị Quốc Khánh, ĐBQH khóa XIII, “Quá trình thu thập, nghiên cứu và xử lý thông tin, tài liệu khi thực hiện quyền sáng kiến pháp luật của ĐBQH”, Diễn đàn chính sách về thu thập, phân tích và xử lý thông tin tham khảo trong hoạt động của ĐBQH do VPQH phối hợp với USAID GIG tổ chức tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc ngày 15-16/6/2016.

➤ Xử lý các ý kiến nhận được, hoàn thiện dự án, dự thảo, hồ sơ đề nghị (để thực hiện nhiệm vụ “Tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý”)¹.

c) Tạo sự ủng hộ

Để thành công trong việc đưa sáng kiến của mình vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, cá nhân mỗi ĐBQH cần tạo được sự ủng hộ từ đa số các ĐBQH, biến ý kiến cá nhân của mình thành ý kiến đa số. Kinh nghiệm của một số ĐBQH cho thấy, để thuyết phục được các ĐBQH khác tán thành với đề nghị, kiến nghị của mình, ĐBQH cần có bước chuẩn bị chu đáo về cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề.

Bên cạnh đó, ĐBQH cần có sự tâm huyết, kiên trì với đề nghị, kiến nghị do mình đề xuất. Với những đề nghị, kiến nghị, đại biểu đã trình một lần mà không thành công thì có thể cần tới quá trình thuyết phục từ kỳ họp này tới kỳ họp khác, thậm chí là từ khóa QH này tới khóa QH sau².

Đại biểu có thể thuyết phục các ĐBQH khác ủng hộ mình thông qua nhiều kênh khác nhau như: tận dụng thời gian phát biểu tại Hội trường; thông qua các phiên họp Tổ, họp Đoàn, họp Ủy ban; thông qua các cuộc gặp gỡ ngoài hành lang kỳ họp, trong các hội thảo, hội nghị, diễn đàn; thông qua báo chí...³

1. Trần Thị Quốc Khánh, ĐBQH khóa XIII, “Quá trình thu thập, nghiên cứu và xử lý thông tin, tài liệu khi thực hiện quyền sáng kiến pháp luật của ĐBQH”, Diễn đàn chính sách về thu thập, phân tích và xử lý thông tin tham khảo trong hoạt động của ĐBQH do VPQH phối hợp với USAID GIG tổ chức tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc ngày 15-16/6/2016.

2. Ví dụ việc trình kiến nghị về Luật Quản lý vốn nhà nước của đại biểu Trần Du lịch, Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ĐBQH Trần Thị Quốc Khánh, Đoàn ĐBQH Hà Nội đối với đề nghị xây dựng Luật Hành chính công.

3. Trung tâm Bồi dưỡng đại biểu dân cử, VPQH, “ĐBQH - những điều cần biết”, Hà Nội, năm 2011, tr.175.

d) Nắm bắt trình tự – thủ tục trình đề nghị, kiến nghị

Kinh nghiệm của các ĐBQH tiền nhiệm cho thấy, để thành công trong việc trình sáng kiến lập pháp ĐBQH cũng cần phải nắm rõ trình tự, thủ tục đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh được quy định bởi Luật Ban hành VBQPPL. Nắm rõ các trình tự, thủ tục thực hiện quyền đề nghị, kiến nghị sẽ giúp đại biểu tạo được tính thuyết phục cao hơn trước QH. Ngược lại, những đại biểu không nắm chắc quy trình sẽ gặp nhiều khó khăn khi thực hiện quyền trình sáng kiến lập pháp của mình. Hơn nữa, ĐBQH cũng cần biết cách tận dụng các cơ hội nhỏ nhất để áp dụng trình tự, thủ tục nhằm đạt được mục đích, thuyết phục các đại biểu khác ủng hộ sáng kiến lập pháp của mình.

Bên cạnh đó, nắm rõ quy trình, yêu cầu của luật pháp sẽ giúp ĐBQH có được lựa chọn hợp lý giữa việc thực hiện một trong hai quyền: đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh và kiến nghị về luật, pháp lệnh. Việc lựa chọn hợp lý này cũng là điều kiện quan trọng giúp cho ĐBQH thành công khi trình sáng kiến lập pháp.

đ) Lựa chọn một trong hai quyền đề nghị, kiến nghị để trình sáng kiến lập pháp của ĐBQH

Để trình sáng kiến lập pháp của mình ra trước QH, ĐBQH có thể cần trọng cân nhắc lựa chọn giữa hai hình thức: đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh hoặc kiến nghị về luật, pháp lệnh.

Nếu lựa chọn thực hiện quyền đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh thì các công việc mà ĐBQH phải tiến hành sẽ nhiều hơn, phức tạp hơn, ĐBQH cần nhiều thời gian, nguồn lực, công sức hơn. Cho tới nay, số lượng ĐBQH lựa chọn hình thức này để trình sáng kiến lập pháp là không nhiều và chỉ mới có đề nghị xây dựng Luật Hành chính công được đánh giá là thành công bước đầu, được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp

lệnh. Theo các chuyên gia, để thành công trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, ĐBQH có thể lựa chọn đề nghị xây dựng các văn bản có nội dung không quá phức tạp, phạm vi điều chỉnh hẹp. Ví dụ như dự án luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một, hai điều của các luật, pháp lệnh.

Ngược lại, hình thức kiến nghị về luật, pháp lệnh là hình thức thực hiện sáng kiến lập pháp đơn giản hơn, được quy định riêng cho ĐBQH. Trên thực tế, ĐBQH thường ưu tiên lựa chọn hình thức này và thực hiện thông qua ý kiến phát biểu của mình tại các phiên họp của QH, trong đó, phổ biến nhất là thảo luận về dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của QH tại phiên họp toàn thể. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, một số kiến nghị của ĐBQH đã được CP tiếp tục nghiên cứu hoặc đã ban hành thành luật hoặc nghị định.

2.5.2 Tham gia thẩm tra, thảo luận, thông qua dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh

Các ĐBQH là thành viên của HĐDT, các UB của QH có trách nhiệm tham gia trực tiếp vào hoạt động thẩm tra các đề nghị, kiến nghị lập pháp của HĐDT, các ủy ban. Các ĐBQH là thành viên của UBTVQH sẽ trực tiếp cho ý kiến vào các đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh trong các phiên họp của UBTVQH. Nội dung thẩm tra cũng như thảo luận, xem xét đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh sẽ tập trung vào các vấn đề sau đây:

- (i) Sự cần thiết ban hành;
- (ii) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh;
- (iii) Chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh;
- (iv) Sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước;

- (v) Tính thống nhất, tính khả thi;
- (vi) Thứ tự ưu tiên, thời điểm trình;
- (vii) Điều kiện bảo đảm để xây dựng và thi hành văn bản.

Các nội dung này cũng là căn cứ để các ĐBQH tập trung xem xét, phát biểu ý kiến khi tham gia thảo luận và biểu quyết thông qua tại kỳ họp QH về dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

Việc xem xét, quyết định một dự án có được đưa vào chương trình hay không sẽ gặp những khó khăn nhất định, bởi lẽ, những thông tin liên quan đến một đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh chỉ là những thông tin cơ bản nhất.

Để việc xem xét, lựa chọn các dự án luật, pháp lệnh vào dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được thuận lợi hơn, ĐBQH có thể đánh giá các đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh dựa trên các thông tin cụ thể sau đây:

Thứ nhất, đánh giá sự đầy đủ của hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh và các tài liệu kèm theo. Đây là yếu tố đánh giá đầu tiên để quyết định đưa dự án vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Hồ sơ và tài liệu kèm theo gửi tới UBTVQH, các cơ quan của QH và ĐBQH vừa là cơ sở để ĐBQH xem xét, đánh giá đề nghị, kiến nghị đó, vừa là yếu tố thể hiện sự nghiêm túc, mức độ chú trọng/đầu tư của chủ thể trình.

Thứ hai, đánh giá về mức độ phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, hệ thống pháp luật hiện hành. Việc ban hành luật, pháp lệnh cần xem xét tới các khía cạnh như: (i) Nội dung dự án có phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng

hay không; (ii) Dự án đề cập các chính sách mới, thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách nào của Đảng; (iii) Nội dung của dự án có phải là ưu tiên trong các chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng hay không.

Hơn nữa, ĐBQH có thể đánh giá về tính đồng bộ và thống nhất của đề nghị, kiến nghị với hệ thống pháp luật hiện hành, thông qua trả lời các câu hỏi như: (i) Nội dung của dự án có phù hợp với Hiến pháp không?; (ii) Phạm vi điều chỉnh của dự án có bị chòng chéo với phạm vi điều chỉnh của các VBQPPL hiện hành hay không?; (iii) Có dự án nào khác trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh có nội dung đề cập đến cùng vấn đề hay không, giữa chúng có sự thống nhất, đồng bộ hay không?; (iv) Mức độ phù hợp của nội dung dự án với các điều ước, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên hay không?...

Thứ ba, cần nhắc việc ban hành luật, pháp lệnh để điều chỉnh đã phải là giải pháp tối ưu hay chưa. Các câu hỏi cần phải trả lời gồm: (i) Giải pháp ban hành dự án luật, pháp lệnh để quy định về nội dung đề nghị, kiến nghị có phải là giải pháp duy nhất không, có những giải pháp nào khác để điều chỉnh nội dung mà dự án đề cập hay không? (ii) Thời điểm ban hành luật, pháp lệnh theo đề nghị, kiến nghị đã phù hợp với điều kiện KTXH hay chưa?¹.

Thứ tư, ngoài các vấn đề trên, để lựa chọn một dự án luật, pháp lệnh vào Chương trình thì cần xem xét đến các yếu tố khác như: Dự án có thuộc nội dung cần được ưu tiên đưa vào Chương trình hay không? Đánh giá nguồn lực bảo đảm thi hành văn bản trong điều kiện KTXH tại thời điểm đó đã phù hợp chưa (điều kiện về tài chính, điều kiện về tổ chức, bộ máy

1. VPQH, “Sự tham gia của ĐBQH vào quy trình xây dựng luật, pháp lệnh”, tài liệu lưu hành nội bộ, NXB Thời Đại, 2010.

nhân sự, các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật khác?)... Trên thực tế, tùy thuộc vào từng thời điểm, hoàn cảnh KTXH khác nhau mà một số nội dung/lĩnh vực được ưu tiên xây dựng luật, pháp lệnh để điều chỉnh¹. Ví dụ như, sau khi Hiến pháp 2013 được ban hành, các luật về tổ chức bộ máy nhà nước, chính quyền địa phương... là những dự án cần được ưu tiên đưa vào Chương trình để kịp thời điều chỉnh các quy định cho phù hợp với Hiến pháp mới của đất nước.

3. SOẠN THẢO DỰ ÁN LUẬT, PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Quy trình soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết bao gồm 04 bước sau: (i) Thành lập Ban soạn thảo và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo; (ii) Tiến hành soạn thảo; (iii) Thẩm định dự án, dự thảo do CP trình và xin ý kiến CP đối với các dự án, dự thảo không do CP trình; (iv) Xem xét, quyết định việc trình dự án, dự thảo (*xem sơ đồ 13*).

1. VPQH, “Sự tham gia của ĐBQH vào quy trình xây dựng luật, pháp lệnh”, tài liệu lưu hành nội bộ, NXB Thời Đại, 2010.

SƠ ĐỒ 13

QUY TRÌNH SOẠN THẢO DỰ ÁN LUẬT, PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT



1

THÀNH LẬP BAN SOẠN THẢO VÀ PHÂN CÔNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO



UBTVQH

Thành lập Ban soạn thảo và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo đối với dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết:

- Có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực;
- Do UBTVQH trình;
- Do ĐBQH trình.



**BỘ, CƠ QUAN
NGANG BỘ**

Thủ tướng CP giao cho một bộ hoặc cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo.

Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thành lập Ban Soạn thảo.



**CƠ QUAN KHÁC,
TỔ CHỨC**

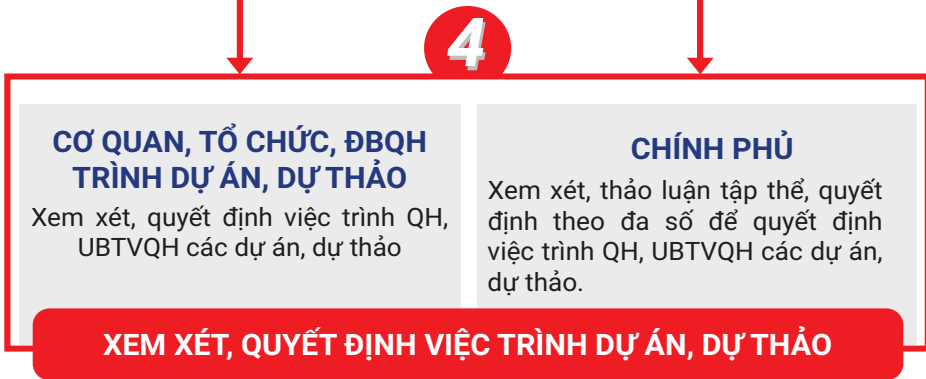
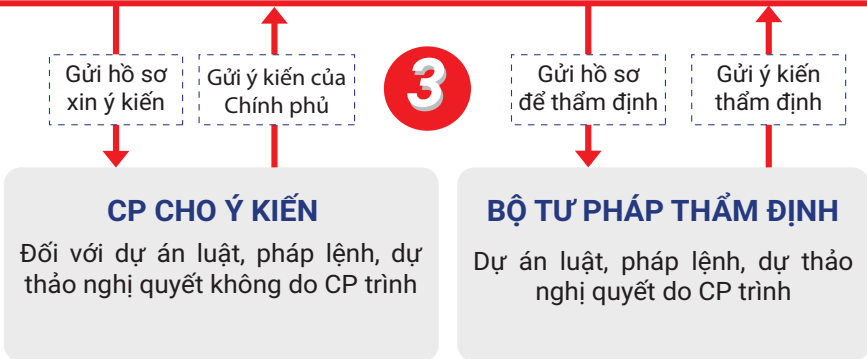
Dự án, dự thảo do cơ quan, tổ chức khác trình thì cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm thành lập Ban soạn thảo và chủ trì việc soạn thảo.

2

TIẾN HÀNH SOẠN THẢO

- Tổ chức xây dựng dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết;
- Chuẩn bị dự thảo, tờ trình và các tài liệu có liên quan đến dự án, dự thảo;

- Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự án, dự thảo và đăng tải dự án, dự thảo trên cổng thông tin điện tử; tổng hợp và nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý; đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý trên cổng thông tin điện tử;
- Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với các dự án, dự thảo do CP trình hoặc ý kiến tham gia của CP đối với dự án, dự thảo không do CP trình;
- Chuẩn bị báo cáo giải trình về những chính sách mới phát sinh cần bổ sung vào dự án, dự thảo;
- Dự kiến những nội dung cần được giao quy định chi tiết trong dự thảo luật, nghị quyết; kiến nghị phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các điều, khoản, điểm của dự thảo luật, nghị quyết;
- Báo cáo tiến độ soạn thảo với cơ quan có thẩm quyền.



3.1 Thành lập Ban soạn thảo và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo

SƠ ĐỒ 14 THÀNH LẬP BAN SOẠN THẢO VÀ PHÂN CÔNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO



1 Thẩm quyền thành lập Ban soạn thảo và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo



UBTVQH



BỘ, CƠ QUAN
NGANG BỘ



CƠ QUAN KHÁC,
TỔ CHỨC

2 Thành phần Ban soạn thảo

- Ban soạn thảo gồm: Trưởng ban là người đứng đầu cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo; thành viên khác là đại diện cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo, cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học. Đối với Ban soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do CP trình thì thành phần Ban soạn thảo phải có các thành viên là đại diện lãnh đạo Bộ Tư pháp và Văn phòng CP. Ban soạn thảo phải có ít nhất là chín người.
- Thành viên Ban soạn thảo là chuyên gia, nhà khoa học phải là người am hiểu các vấn đề chuyên môn liên quan đến dự án, dự thảo và có điều kiện tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban soạn thảo.

3 Tổ biên tập

- Tổ biên tập do Trưởng Ban thành lập. Tổ biên tập giúp việc cho Ban soạn thảo và biên soạn, chỉnh lý dự thảo văn bản.
(Điều 52, Điều 53, Điều 54, Luật Ban hành VBQPPL)

3.2 Tiến hành soạn thảo dự án, dự thảo

SƠ ĐỒ 15

TIẾN HÀNH SOẠN THẢO DỰ ÁN, DỰ THẢO



- 1** Tổ chức xây dựng dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết theo mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách đã được xây dựng trong hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh.
- 2** Chuẩn bị dự thảo, Tờ trình và các tài liệu có liên quan đến dự án, dự thảo.
- 3** Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự án, dự thảo và đăng tải dự án, dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của QH đối với dự án luật, pháp lệnh của UBTVQH, HĐDT, UB của QH, ĐBQH, Cổng thông tin điện tử của CP đối với dự án luật, pháp lệnh của CP, cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo.
Tổng hợp và nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý; đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý trên cổng thông tin điện tử đã đăng tải dự án, dự thảo lấy ý kiến.
- 4** Chuẩn bị báo cáo giải trình về những chính sách mới phát sinh cần bổ sung vào dự án, dự thảo để trình cơ quan, tổ chức, ĐBQH có thẩm quyền trình xem xét, quyết định.
- 5** Dự kiến những nội dung cần được giao quy định chi tiết trong dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết; kiến nghị phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các điều, khoản, điểm của dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết.
- 6** Nghiên cứu, giải trình và tiếp thu chỉnh lý theo ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (đối với các dự án, dự thảo do CP trình); nghiên cứu, giải trình, tiếp thu chỉnh lý theo ý kiến góp ý của CP (đối với các dự án, dự thảo không do CP trình).
- 7** Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan, tổ chức trình có trách nhiệm báo cáo về tiến độ soạn thảo tới các cơ quan có thẩm quyền.

(Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Luật Ban hành VBQPPL)

3.3 Bộ Tư pháp thẩm định dự án, dự thảo do Chính phủ trình; Chính phủ cho ý kiến đối với dự án, dự thảo không do Chính phủ trình

SƠ ĐỒ 16

THẨM ĐỊNH DỰ ÁN, DỰ THẢO DO CP TRÌNH; CHO Ý KIẾN ĐỐI VỚI DỰ ÁN, DỰ THẢO KHÔNG DO CP TRÌNH



1 Bộ Tư pháp thẩm định dự án, dự thảo do CP trình

Bộ Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trước khi trình CP.

Đối với dự án, dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập Hội đồng thẩm định, bao gồm đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.



Hồ sơ thẩm định bao gồm:

- Tờ trình CP về dự án, dự thảo;
- Dự thảo văn bản;
- Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án, dự thảo;
- Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản, nếu trong dự án, dự thảo văn bản có quy định thủ tục hành chính;
- Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo, nếu trong dự án, dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;
- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Nghị quyết của CP về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết;
- Tài liệu khác (nếu có).



Hoạt động thẩm định tập trung vào các nội dung, vấn đề sau đây:

- Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh đã được thông qua;
- Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật; tính tương thích của dự thảo văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCNVN là thành viên;

- Sự cần thiết, tính hợp lý và chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản, nếu trong dự thảo văn bản có quy định thủ tục hành chính;
- Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo văn bản, nếu trong dự thảo văn bản có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;
- Ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.



Báo cáo thẩm định:

- Báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ ý kiến của cơ quan thẩm định về nội dung thẩm định và ý kiến về việc dự án, dự thảo đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình CP. Trong trường hợp Bộ Tư pháp kết luận dự án, dự thảo chưa đủ điều kiện trình CP thì trả lại hồ sơ cho cơ quan chủ trì soạn thảo để tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự án, dự thảo.
- Báo cáo thẩm định phải được gửi đến cơ quan chủ trì soạn thảo chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.



Nghiên cứu, giải trình, tiếp thu:

- Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự án, dự thảo và đồng thời gửi báo cáo giải trình tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến cơ quan thẩm định khi trình CP dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết.
- Trong trường hợp còn có ý kiến khác nhau giữa các bộ, cơ quan ngang bộ về dự án, dự thảo thì Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng CP triệu tập cuộc họp để thống nhất ý kiến trước khi trình CP xem xét, quyết định. Căn cứ vào ý kiến tại cuộc họp này, cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự án, dự thảo để trình CP.

(Điều 58, Điều 62, Luật Ban hành VBQPPL)

CP cho ý kiến đối với dự án, dự thảo không do CP trình

2

Đối với dự án, dự thảo không do CP trình thì trước khi trình QH, UBND, cơ quan, tổ chức, ĐBQH trình dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự án, dự thảo để CP cho ý kiến.



Hồ sơ gửi Chính phủ cho ý kiến bao gồm:

- Tờ trình QH, UBND, UBTVQH về dự án, dự thảo;
- Dự thảo văn bản;
- Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án, dự thảo;
- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; Bản chụp ý kiến góp ý; Tài liệu khác (nếu có).



Bộ, cơ quan ngang bộ được Thủ tướng CP phân công chuẩn bị ý kiến, chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp dự kiến những nội dung cần cho ý kiến, trình CP xem xét, quyết định.

(Điều 62, Luật Ban hành VBQPPL)



3.4 Xem xét, quyết định việc trình dự án, dự thảo

SƠ ĐỒ 17

XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH VIỆC TRÌNH DỰ ÁN, DỰ THẢO



Đối với dự án do CP trình

- 1** CP xem xét, thảo luận tập thể, biểu quyết theo đa số tại phiên họp của CP để quyết định việc trình dự án, dự thảo. Trong trường hợp CP không thông qua việc trình dự án, dự thảo thì Thủ tướng CP ấn định thời gian xem xét lại dự án, dự thảo.

Đối với dự án không do CP trình

- 2** Cơ quan, tổ chức, ĐBQH trình dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết có trách nhiệm xem xét, quyết định việc trình QH, UBTVQH dự án, dự thảo. Trường hợp đặc biệt chưa thể trình dự án, dự thảo theo đúng tiến độ thì phải kịp thời báo cáo UBTVQH xem xét, quyết định và nêu rõ lý do.

3.5 Sự tham gia của đại biểu Quốc hội vào quy trình soạn thảo dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết

Trong giai đoạn soạn thảo dự án, dự thảo, Luật Ban hành VBQPPL không có quy định rõ ràng về nhiệm vụ của ĐBQH. Thực tiễn lập pháp cũng cho thấy, sự tham gia của các ĐBQH vào hoạt động soạn thảo các dự án, dự thảo là không nhiều. Chỉ các đại biểu trực tiếp trình dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết hoặc được mời tham gia các ban soạn thảo mới tham gia sâu vào các hoạt động soạn thảo. Các đại biểu khác chỉ theo dõi, nắm bắt thông tin về dự án luật, pháp lệnh đối với các dự án đại biểu đó quan tâm hoặc đại biểu sẽ tham gia thẩm tra trong tương lai.

Trong trường hợp ĐBQH là người khởi xướng việc ban hành luật, pháp lệnh và là Trưởng Ban soạn thảo dự án, đại biểu cần tuân thủ các quy định của Luật Ban hành VBQPPL về thủ tục, trình tự soạn thảo dự án luật, pháp lệnh (xem sơ đồ 18).

SƠ ĐỒ 18

NHIỆM VỤ CỦA ĐBQH TRONG GIAI ĐOẠN SOẠN THẢO DỰ ÁN LUẬT, PHÁP LỆNH DO ĐBQH ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG



1

Đề xuất với UBND thành phần Ban soạn thảo dự án luật, pháp lệnh

2

Thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Ban soạn thảo



Thành lập Tổ biên tập giúp việc cho Ban soạn thảo và chỉ đạo Tổ biên tập biên soạn và chỉnh lý dự thảo văn bản;



Tổ chức các cuộc họp và các hoạt động khác của Ban soạn thảo;



Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban soạn thảo;



Báo cáo tiến độ soạn thảo đến Thường trực UBPL để tổng hợp, và báo cáo UBND;



Thực hiện các hoạt động khác để tổ chức việc soạn thảo.

Một số kỹ năng, cách thức mà ĐBQH có thể quan tâm khi soạn thảo dự án, dự thảo:

a) Phân tích chính sách, xác định vấn đề và giải pháp xử lý vấn đề

Hoạt động phân tích chính sách được thể hiện rõ hơn trong giai đoạn đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Tuy nhiên, hoạt động này sẽ tiếp tục được thực hiện xuyên suốt trong giai đoạn soạn thảo nhằm xem xét, bổ sung thêm các chính sách trong dự án, dự thảo. Phân tích chính sách được thể hiện ở các bước cụ thể sau:

(i) Tìm và xác định vấn đề chính sách là một việc khó khăn. Các vấn đề chính sách phát sinh trong giai đoạn soạn thảo có thể được xác định dựa trên kết quả nghiên cứu của ĐBQH/ Ban Soạn thảo về nội dung của dự án, dự thảo; dựa trên các vấn đề được chuyên gia, các nhà khoa học đưa ra tại các hội thảo; hoặc các vấn đề mới phát sinh trên thực tế được ĐBQH/ Ban Soạn thảo phát hiện thông qua các cuộc khảo sát... ĐBQH có thể xác định vấn đề chính sách dựa trên các căn cứ sau đây:

- Căn cứ vào tính bức xúc của vấn đề so với nhu cầu của xã hội. Những vấn đề trở thành mâu thuẫn ngày càng gay gắt, hoặc trở thành vật cản đối với sự phát triển của đất nước.

- Căn cứ vào yêu cầu quản lý của Nhà nước đối với vấn đề.

- Căn cứ vào khả năng tổ chức giải quyết vấn đề của Nhà nước và khả năng tham gia giải quyết vấn đề của các đối tượng chịu sự tác động.

(ii) Tìm nguyên nhân của vấn đề: khi đã xác định được vấn đề chính sách, ĐBQH cần tìm ra các nguyên nhân chủ quan, khách quan của vấn đề. Đặc biệt, thông qua việc tiếp nhận và xử lý thông tin, ĐBQH có thể tìm ra nguyên nhân cơ bản nhất của vấn đề chính sách.

(iii) Xác định mục tiêu và tìm giải pháp: xác định các mục tiêu cụ thể có tính khả thi để giải quyết vấn đề; xác định mục tiêu chính và mục tiêu phụ khi giải quyết vấn đề một cách rõ ràng; xây dựng hệ thống các nhóm giải pháp để đạt được mục tiêu đã định.

(iv) Lựa chọn giải pháp: trên cơ sở hệ thống các nhóm giải pháp, lựa chọn các giải pháp theo thứ tự ưu tiên để mang lại hiệu quả cao nhất¹.

b) Lập kế hoạch, xác định tiến độ soạn thảo và chương trình hoạt động của Ban soạn thảo

Việc lập kế hoạch, xác định tiến độ là yêu cầu chung cho tất cả các công việc của ĐBQH nói chung và đối với công tác soạn thảo dự án luật, pháp lệnh nói riêng. Dự án luật, pháp lệnh đã nằm trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, theo quy định của pháp luật, sẽ có các mốc thời gian phải thực hiện một số công việc cụ thể. Trên thực tế, vì nhiều lý do, một số dự án chưa được hoàn thiện kịp thời trình UBTVQH, QH theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Vì vậy, việc đảm bảo tiến độ soạn thảo dự án, dự thảo rất cần được chú trọng.

Kế hoạch hoạt động của Ban soạn thảo cần được chuẩn bị kỹ càng với các nhiệm vụ cụ thể, người chịu trách nhiệm chính, những người tham gia thực hiện, thời gian thực hiện và hoàn thành, nguồn lực, các điều kiện đảm bảo... Kế hoạch hoạt động chi tiết sẽ đảm bảo rằng, việc soạn thảo dự án luôn được tiến hành một cách chủ động. Đây cũng là cơ sở để ĐBQH với tư cách là Trưởng Ban soạn thảo giám sát, thúc đẩy công việc soạn thảo và các hoạt động khác theo đúng quy định của Luật Ban hành VBQPPL.

1. Nguyễn Thị Bạch Mai, “Kỹ năng phân tích chính sách”, xem tại: <http://www.ttbd.gov.vn/>, truy cập ngày 10/6/2021.

Tiến độ soạn thảo dự án trên thực tế cần được thường xuyên cập nhật để ĐBQH nắm bắt, đối chiếu với tiến độ theo kế hoạch đã đề ra. Trong trường hợp soạn thảo chưa theo kịp với tiến độ đã đề ra thì ĐBQH cần có những phương án điều chỉnh kịp thời để đảm bảo tiến độ, đáp ứng đúng các quy định về mặt thời gian của Luật Ban hành VBQPPL.

c) Hoạt động đánh giá tác động của chính sách

Đánh giá tác động của chính sách trong dự án, dự thảo có thể hiểu là việc phân tích, dự báo những ảnh hưởng, tác động của chính sách (nếu được trở thành VBQPPL) đến đời sống KTXH, đến đối tượng trực tiếp chịu sự tác động của chính sách, đến chủ thể chịu trách nhiệm tổ chức thi hành (cơ quan nhà nước)¹. Theo quy định của pháp luật hiện hành, hoạt động đánh giá tác động của chính sách được thực hiện ngay trong giai đoạn lập đề nghị xây dựng VBQPPL. Hoạt động này tiếp tục được thực hiện trong các giai đoạn tiếp theo, khi một chính sách mới được bổ sung vào dự án, dự thảo.

- Các nội dung (lĩnh vực) cần đánh giá tác động bao gồm²:

(i) Tác động về kinh tế được đánh giá trên cơ sở phân tích chi phí và lợi ích đối với một hoặc một số nội dung về sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương, chi tiêu công, đầu tư công và các vấn đề khác có liên quan đến kinh tế;

1. Ths. Lê Tuấn Phong, “Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật của nước ta hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 11 (411), tháng 6/2020.

2. Điều 35, Luật Ban hành VBQPPL; Điều 6, 7 và 8, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của CP ban hành ngày 14 tháng 5 năm 2016, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL.

(ii) Tác động về xã hội của chính sách được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội;

(iii) Tác động về giới của chính sách (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo các tác động kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới;

(iv) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách;

(v) Tác động đối với hệ thống pháp luật được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo khả năng về thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

- Về chủ thể đánh giá:

Hoạt động đánh giá tác động của chính sách trong xây dựng pháp luật được thực hiện bởi cơ quan, tổ chức, ĐBQH lập đề nghị xây dựng VBQPPL. Trường hợp đề nghị xây dựng VBQPPL do ĐBQH lập thì đại biểu có thể đề nghị VPQH, Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, VNCLP hỗ trợ thực hiện đánh giá tác động của chính sách.

Trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, xem xét, cho ý kiến về dự án luật, pháp lệnh, nếu có chính sách mới được đề xuất thì cơ quan đề xuất chính sách đó có trách nhiệm đánh giá tác động của chính sách.

- Về phương pháp đánh giá:

Tác động của chính sách được đánh giá theo phương pháp định lượng, phương pháp định tính. Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải nêu rõ lý do.

- Về tiêu chí đánh giá:

Cho đến nay, vẫn chưa có văn bản nào quy định cụ thể về các tiêu chí chi tiết để đánh giá tác động của chính sách đối với kinh tế, xã hội, giới, hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, đối với đánh giá tác động về thủ tục hành chính, việc đánh giá tác động được thực hiện theo 04 tiêu chí: sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và tính hiệu quả của thủ tục hành chính¹.

d) Một số kỹ thuật trong soạn thảo VBQPPL

Có thể thấy rằng, công việc quan trọng nhất của giai đoạn soạn thảo là thể hiện các chính sách thành các quy phạm cụ thể trong dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết. Đây là một công việc mang đậm tính kỹ thuật, đòi hỏi phải có những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu. Vì vậy, về mặt lý thuyết, quá trình soạn thảo cụ thể các quy phạm của dự án, dự thảo không nhất thiết phải đòi hỏi sự tham gia của các ĐBQH. Tuy nhiên, với tư cách là người đứng đầu Ban soạn thảo dự án, dự thảo, ĐBQH là người hơn ai hết tham gia trực tiếp nhất trong khâu soạn thảo dự án, dự thảo. Trong trường hợp này, ĐBQH cần nắm rõ các kỹ năng soạn thảo để đảm bảo chất lượng của dự thảo².

1. Ths. Lê Tuấn Phong, “Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật của nước ta hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 11 (411), tháng 6/2020.

2. VPQH, “Sự tham gia của ĐBQH vào quy trình xây dựng luật, pháp lệnh”, tài liệu lưu hành nội bộ, NXB Thời Đại, 2010.

Bên cạnh đó, ĐBQH có thể tìm đến sự hỗ trợ từ các thành viên Ban soạn thảo hoặc từ các cá nhân, chuyên gia có kiến thức, kỹ năng chuyên môn sâu về soạn thảo VBQPPL để chất lượng của dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết được đảm bảo. Cụ thể là, khi dự kiến thành viên Ban soạn thảo, ĐBQH cần tính đến các yêu cầu của giai đoạn soạn thảo để lựa chọn những người phù hợp. Hơn nữa, ĐBQH có thể tham khảo ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà soạn thảo... không phải là thành viên của Ban soạn thảo.

Các vấn đề cơ bản về kỹ thuật trình bày văn bản¹ cần lưu ý trong quá trình soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết:

- Cấu trúc của luật, pháp lệnh, nghị quyết

Theo quy định, cấu trúc VBQPPL của QH, UBTVQH, Chủ tịch nước gồm ba phần: Phần mở đầu, phần nội dung và phần kết thúc. Tùy thuộc vào từng VBQPPL khác nhau sẽ có các quy định khác nhau về nội dung và cách trình bày của mỗi phần nêu trên trong VBQPPL.

Phần mở đầu của luật, pháp lệnh, nghị quyết, về cơ bản sẽ có các nội dung chính bao gồm: Quốc hiệu; Tiêu ngữ; tên cơ quan ban hành văn bản; số, ký hiệu của văn bản; tên văn bản; tên cơ quan ban hành văn bản và căn cứ ban hành văn bản; địa danh, ngày, tháng, năm ban hành văn bản (nếu có theo quy định của pháp luật theo từng loại VBQPPL).

Phần nội dung của luật, pháp lệnh, nghị quyết được trình bày theo các cách sau: (i) Phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm; (ii) Phần, chương, mục, điều, khoản, điểm; (iii)

1. Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14 tháng 3 năm 2017 của UBTVQH quy định thể thức và kỹ thuật trình bày VBQPPL của Quốc hội, UBTVQH, Chủ tịch nước.

Chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm; (iv) Chương, mục, điều, khoản, điểm; (v) Chương, điều, khoản, điểm; (vi) Điều, khoản, điểm. Mỗi điểm trong bố cục của văn bản chỉ được thể hiện một ý; không sử dụng các ký hiệu khác để thể hiện các ý trong một điểm. Phần, chương, mục, tiểu mục, điều trong văn bản phải có tiêu đề. Tiêu đề là cụm từ chỉ nội dung chính của phần, chương, mục, tiểu mục, điều.

Phần kết thúc luật, nghị quyết của QH gồm có thông tin về thời điểm QH thông qua, chức vụ, họ và tên người có thẩm quyền ký chứng thực và dấu của người có thẩm quyền ký chứng thực văn bản. *Phần kết thúc pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH* gồm có chức vụ, họ và tên người có thẩm quyền ký văn bản và dấu của cơ quan ban hành văn bản.

- Về kỹ thuật trình bày luật, pháp lệnh, nghị quyết (bao gồm kỹ thuật trình bày nội dung văn bản và kỹ thuật trình bày hình thức của văn bản)

Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 của UBTVQH khóa XIV đã có các quy định chi tiết về kỹ thuật trình bày nội dung và hình thức của các văn bản. Trong quá trình soạn thảo dự án, dự thảo, ĐBQH cần nghiên cứu kỹ, bám sát các quy định trong văn bản này để đảm bảo về kỹ thuật soạn thảo văn bản.

Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 cũng quy định một số nguyên tắc trong sử dụng ngôn ngữ, phong cách văn bản. Cụ thể như sau:

➤ Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản là tiếng Việt; cách diễn đạt phải chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.

➤ Từ ngữ nước ngoài chỉ được sử dụng khi không có từ ngữ tiếng Việt tương ứng để thay thế và phải được phiên âm sang tiếng Việt hoặc có thể sử dụng trực tiếp nếu là từ ngữ thông dụng, phổ biến.

➤ Trong văn bản có từ ngữ chuyên môn cần phải làm rõ nội dung thì từ ngữ đó phải được giải thích.

➤ Từ ngữ viết tắt chỉ được sử dụng trong trường hợp thật cần thiết và phải giải thích nội dung của từ ngữ đó tại lần sử dụng đầu tiên trong văn bản.

➤ Đối với văn bản sử dụng nhiều từ viết tắt, có thể quy định riêng một điều giải thích toàn bộ các từ viết tắt trong văn bản.

➤ Từ ngữ được sử dụng trong văn bản phải thể hiện chính xác nội dung cần truyền đạt, không làm phát sinh nhiều cách hiểu; trường hợp từ ngữ được sử dụng có thể hiểu theo nhiều nghĩa thì phải giải thích rõ nghĩa được sử dụng trong văn bản.

➤ Từ ngữ chỉ nội dung giống nhau phải được sử dụng thống nhất trong toàn bộ văn bản.

➤ Chữ viết hoa trong văn bản được sử dụng đúng quy tắc chính tả tiếng Việt.

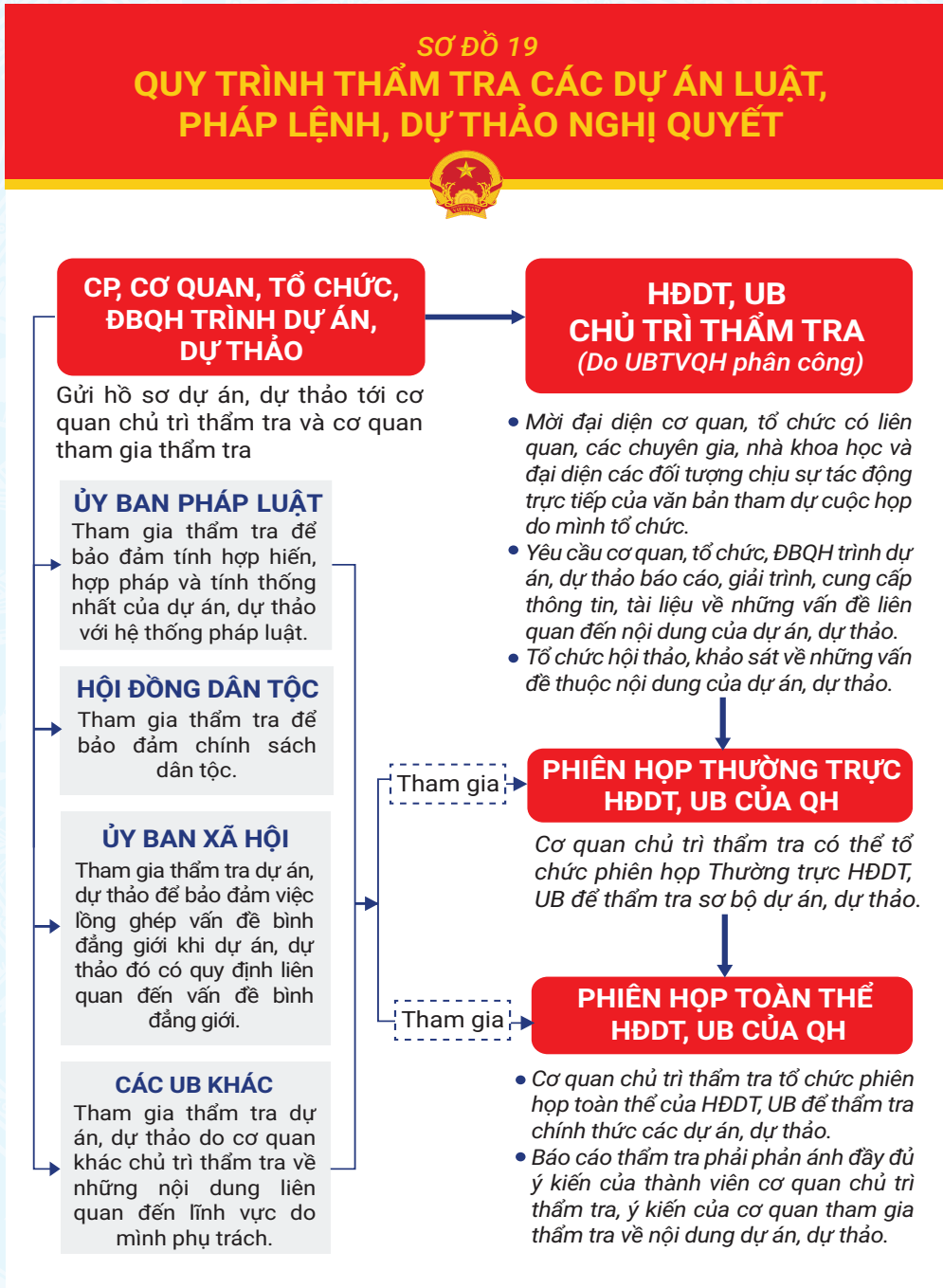
- Về bố cục và việc sử dụng các quy phạm

Trong luật, pháp lệnh, nghị quyết thường có các dạng quy phạm như: quy phạm định nghĩa, quy phạm mệnh lệnh, quy phạm thủ tục, quy phạm chế tài, quy phạm thông thường, và nhiều loại quy phạm khác. Trong quá trình soạn thảo, các ĐBQH, thành viên Ban soạn thảo cần lưu ý về những nguyên tắc sử dụng các loại quy phạm này, cấu trúc các thành tố của chúng và việc sử dụng phối hợp giữa chúng với nhau để được hiệu quả cao nhất¹.

1. VPQH, “Sự tham gia của ĐBQH vào quy trình xây dựng luật, pháp lệnh”, tài liệu lưu hành nội bộ, NXB Thời Đại, 2010.

4. THẨM TRA DỰ ÁN LUẬT, PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

4.1 Quy trình thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, dự thảo Nghị quyết



SƠ ĐỒ 20

HOẠT ĐỘNG THẨM TRA CÁC DỰ ÁN LẬP, PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT



1

Cơ quan, tổ chức, ĐBQH trình dự án, dự thảo phải gửi hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan tham gia thẩm tra.

Hồ sơ dự án, dự thảo bao gồm các tài liệu sau đây:



Tờ trình QH, UBTVQH về dự án, dự thảo;



Dự thảo văn bản;



Báo cáo thẩm định đối với dự án, dự thảo do CP trình; ý kiến của CP đối với dự án, dự thảo không do CP trình; bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp ý kiến góp ý;



Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự án, dự thảo; báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự án, dự thảo;



Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án, dự thảo;



Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo, nếu trong dự án, dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;



Dự thảo văn bản quy định chi tiết và tài liệu khác (nếu có).

(Điều 64, Luật Ban hành VBQPPL)

2

Tổ chức phiên họp thẩm tra:



Cơ quan chủ trì thẩm tra phải tổ chức phiên họp toàn thể để thẩm tra; đối với dự án, dự thảo trình UBTVQH cho ý kiến trước khi trình QH thì có thể tổ chức phiên họp Thường trực HĐDT, Thường trực Ủy ban để thẩm tra sơ bộ.



Cơ quan chủ trì thẩm tra có trách nhiệm mời cơ quan tham gia thẩm tra hoặc Thường trực cơ quan tham gia thẩm tra tham dự phiên họp thẩm tra.

(Điều 66, Luật Ban hành VBQPPL)

3

Hoạt động thẩm tra tập trung vào các nội dung, vấn đề sau đây:



Phạm vi, đối tượng điều chỉnh của văn bản;



Nội dung của dự thảo văn bản và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau; việc giao và chuẩn bị văn bản quy định chi tiết (nếu có);



Tính khả thi của các quy định trong dự thảo văn bản;



Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCNVN là thành viên;



Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành văn bản quy phạm pháp luật;



Việc bảo đảm chính sách dân tộc, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo văn bản, nếu dự thảo văn bản có quy định liên quan đến vấn đề dân tộc, bình đẳng giới;



Ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

(Điều 65, Luật Ban hành VBQPPL)

4

Nội dung của Báo cáo thẩm tra cần thể hiện:



Báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra, đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung.



Báo cáo thẩm tra phải phản ánh đầy đủ ý kiến của thành viên cơ quan chủ trì thẩm tra, ý kiến của cơ quan tham gia thẩm tra về nội dung dự án, dự thảo; về việc dự án, dự thảo đủ hoặc chưa đủ điều kiện trình UBTVQH, QH.



Trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra có ý kiến dự án, dự thảo chưa đủ điều kiện trình UBTVQH, QH thì báo cáo UBTVQH xem xét trả lại hồ sơ cho cơ quan trình dự án, dự thảo để tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự án, dự thảo.

(Điều 67, Luật Ban hành VBQPPL)



4.2 Sự tham gia của đại biểu Quốc hội vào quy trình thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết

Có thể thấy rằng, bắt đầu từ giai đoạn thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, sự tác động của các ĐBQH đến nội dung của các dự án, dự thảo được thể hiện rõ nét hơn. Đối với các đại biểu là thành viên của HĐDT, ủy ban chủ trì thẩm tra, việc tham gia thẩm tra là điều kiện thuận lợi nhất để tác động đến nội dung của dự án, dự thảo. Trên thực tế, có nhiều dự án luật, pháp lệnh đã được sửa đổi, bổ sung rất nhiều nội dung tại giai đoạn sau khi được chuyển đến các cơ quan của QH¹. Bên cạnh đó, ĐBQH cùng với tập thể HĐDT, Ủy ban chủ trì thẩm tra mà mình là thành viên có trách nhiệm xem xét, quyết định về việc dự án, dự thảo đã có đủ điều kiện trình QH, UBTVQH hay chưa. Trong trường hợp, dự án, dự thảo chưa đủ điều kiện, cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo UBTVQH xem xét trả lại hồ sơ cho cơ quan trình dự án, dự thảo.

Nhiệm vụ của các thành viên của HĐDT, các UB của QH trong giai đoạn này là tham gia xem xét, thẩm tra nội dung của các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết. Việc xem xét, đánh giá các dự án, dự thảo chủ yếu được thực hiện trên hai phương diện là về mặt hình thức và mặt nội dung, cụ thể như sau:

4.2.1 Xem xét, đánh giá nội dung của dự án, dự thảo

Việc xem xét, đánh giá nội dung của dự án, dự thảo được thực hiện theo các bước sau đây:

(a) Tìm hiểu nội dung của dự án, dự thảo

Kinh nghiệm cho thấy, bước đầu tiên trong hoạt động thẩm tra là tìm hiểu kỹ lưỡng nội dung của dự án, dự thảo.

1. VPQH, “Sự tham gia của ĐBQH vào quy trình xây dựng luật, pháp lệnh”, tài liệu lưu hành nội bộ, NXB Thời Đại, 2010.

ĐBQH có thể thu thập được rất nhiều tài liệu, từ nhiều nguồn khác nhau. Tuy nhiên, để hiểu rõ về dự án, dự thảo, ĐBQH nên bắt đầu từ việc phân tích, xử lý các tài liệu trong hồ sơ dự án, dự thảo. ĐBQH có thể tìm hiểu nội dung, chính sách dự án, dự thảo thông qua: (i) các tài liệu thuyết minh về dự án, dự thảo; (ii) các dự án, dự thảo.

- Tìm hiểu nội dung của dự án, dự thảo từ các tài liệu thuyết minh về dự án, dự thảo

Theo chia sẻ của nhiều ĐBQH, không nên bắt đầu bằng việc đọc trực tiếp vào nội dung các quy phạm trong dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết. Việc đọc và tìm hiểu dự án, dự thảo thông qua các tài liệu thuyết minh về dự án sẽ giúp cho đại biểu có những hình dung nhanh chóng về nội dung cơ bản của dự án, dự thảo cũng như mục đích mà dự án, dự thảo hướng tới.

Trong các tài liệu thuộc hồ sơ dự án, dự thảo gửi tới ĐBQH, có lẽ các tài liệu chi tiết nhất giúp ĐBQH thuận tiện trong việc tìm hiểu các nội dung của dự án, dự thảo là tờ trình về dự án, dự thảo và Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự án, dự thảo.

Tờ trình về dự án, dự thảo là tài liệu thuyết minh cơ bản nhất về dự án, dự thảo. Nội dung của Tờ trình nêu rõ về sự cần thiết ban hành văn bản, mục đích và quan điểm chỉ đạo xây dựng văn bản, quá trình xây dựng văn bản, và nội dung cơ bản của dự án, dự thảo. Thông qua Tờ trình, đại biểu có thể nắm bắt được những thông tin cơ bản nhất của dự án, dự thảo.

Báo cáo đánh giá tác động chính sách là tài liệu mấu chốt ĐBQH cần chú ý khi xem xét, đánh giá dự án, dự thảo. Bởi lẽ, một báo cáo đánh giá tác động tốt sẽ cung cấp thông tin để ĐBQH đánh giá tương quan giữa chi phí - lợi ích của chính

sách; tính khả thi của nó và xác định đúng ưu tiên. Phân tích chi phí – lợi ích ở đây không phải là chi phí để tổ chức nghiên cứu, soạn thảo, thẩm tra và thông qua văn bản pháp luật, mà chủ yếu là chi phí để tổ chức thực thi các quy định của dự án, dự thảo khi được ban hành. Nếu như không đủ dữ liệu hoặc năng lực, nguồn tài chính để tiến hành phân tích chi phí – lợi ích một cách đầy đủ, có thể thử ước lượng những chi phí như kinh tế, ngân sách, xã hội, môi trường; đồng thời xác định tất cả những lợi ích có thể có.

- Tìm hiểu trực tiếp nội dung của dự án, dự thảo

Sau khi đọc và tìm hiểu tờ trình, báo cáo đánh giá tác động, ĐBQH cần nghiên cứu kỹ về dự án, dự thảo. ĐBQH có thể tìm hiểu nội dung của dự án, dự thảo thông qua một số bước sau:

(+) Tìm hiểu về bố cục của dự án, dự thảo với đầy đủ tiêu đề của Phần, Chương, Mục;

(+) Đọc kỹ nội dung của các Điều luật; tìm hiểu về các thuật ngữ chuyên ngành được sử dụng trong dự án, dự thảo. Trong trường hợp các thuật ngữ chưa được giải thích hoặc giải thích không rõ nghĩa thì yêu cầu Ban Soạn thảo giải thích hoặc thay thế bằng các thuật ngữ dễ hiểu hơn;

(+) Phân tích nội dung của từng Điều luật để làm rõ các câu hỏi được đặt ra: Ai? Làm gì? Trong phạm vi giới hạn thời gian, không gian, hoàn cảnh nào?

(+) Tìm hiểu tổng thể các nội dung của dự án, dự thảo; so sánh nội dung dự thảo, dự án với các mục tiêu, chính sách được đề cập trong Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động để đánh giá dự thảo, dự án đã thể hiện đầy đủ các chính sách và đạt được mục tiêu đề ra hay chưa.

(b) Xem xét, đánh giá nội dung của dự án, dự thảo

Trên cơ sở việc tìm hiểu nội dung, hình thức của dự án, dự thảo, ĐBQH tiến hành việc xem xét, đánh giá dự án, dự thảo theo các nội dung Luật Ban hành VBQPPL đã quy định. Bên cạnh các tài liệu trong hồ sơ dự án, dự thảo, ĐBQH có thể thu thập thêm các dạng tài liệu liên quan như: văn kiện, nghị quyết của Đảng, Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, tài liệu nghiên cứu, chuyên ngành trong và ngoài nước liên quan; các bài viết chuyên sâu, Báo cáo khoa học, Báo cáo điều tra xã hội học liên quan...

Nội dung thông tin trong các tài liệu trên sẽ là bổ sung các chứng cứ/cơ sở về mặt lý luận và thực tiễn, giúp cho nội dung của Báo cáo thẩm tra được phong phú, thuyết phục hơn. Đặc biệt, theo chia sẻ kinh nghiệm của ĐBQH, để đạt hiệu quả tốt nhất trong hoạt động thẩm tra, việc phối hợp, tham vấn các nhà khoa học, các chuyên gia trước khi tiến hành phân tích, xử lý thông tin là việc làm hết sức cần thiết¹. Vì vậy, cơ quan thẩm tra có thể tổ chức các hội thảo khoa học, các tọa đàm chuyên môn, các chuyến đi khảo sát thực tiễn... huy động sự tham gia của đông đảo các nhà khoa học, các chuyên gia đóng góp ý kiến về dự án, dự thảo.

4.2.2 Xem xét, đánh giá hình thức của dự án, dự thảo

Việc đánh giá về hình thức của dự án, dự thảo không chỉ dừng lại ở việc đánh giá về kỹ thuật soạn thảo, trình bày văn bản (như phong chữ, cỡ chữ, cách thức căn lề, cách thức viết hoa....), mà cần tập trung đánh giá về cách thức chuyển tải nội

1. TS. Nguyễn Văn Thuận, Chủ nhiệm UBPL, Quốc hội khóa XII, “Quá trình thu thập, nghiên cứu và xử lý thông tin trong quá trình thẩm tra, chỉnh lý dự án luật”, Diễn đàn chính sách về Thu thập, phân tích và xử lý thông tin tham khảo trong hoạt động của ĐBQH do VPQH phối hợp với USAID GIG tổ chức tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc, ngày 15-16/6/2016.

dung của dự án, dự thảo (cấu trúc của dự án, dự thảo; ngôn ngữ và cách thể hiện các điều khoản trong dự án, dự thảo).

Về *cấu trúc*, ĐBQH tham gia thẩm tra cần xem xét, đánh giá tính logic của cấu trúc dự án, dự thảo. Ví dụ như, các điều khoản, mục trong chương có thể được kết nối với nhau theo trình tự về mặt trình tự, thủ tục, theo trình tự thời gian, theo trình tự về tầm quan trọng của vấn đề... Bên cạnh đó, cần xem xét, đánh giá về mối tương thích giữa tiêu đề của Điều, mục, chương với nội dung tương ứng. Nếu nội dung của một vài điều khoản khác với tiêu đề thì việc soạn thảo dự án, dự thảo được đánh giá là chưa tốt, cần có những điều chỉnh để tốt hơn.

Về *ngôn ngữ trong dự án, dự thảo*, Luật Ban hành VBQPPL quy định “ngôn ngữ sử dụng trong VBQPPL phải chính xác, phổ thông, cách diễn đạt phải rõ ràng, dễ hiểu”¹. Để đánh giá các yếu tố này, ĐBQH có thể xem xét dựa trên các câu hỏi như: Các từ, ngữ được sử dụng đã chính xác chưa? Có sử dụng các từ thừa không? Có sử dụng các từ với nhiều nghĩa hoặc từ có nghĩa mơ hồ hay không?

Bên cạnh đó, ĐBQH cũng cần đối chiếu các tài liệu trong hồ sơ dự án, dự thảo do cơ quan trình cung cấp với các quy định của Luật Ban hành VBQPPL để xem các tài liệu này đã đầy đủ và đúng với tiến trình mà pháp luật yêu cầu hay chưa.

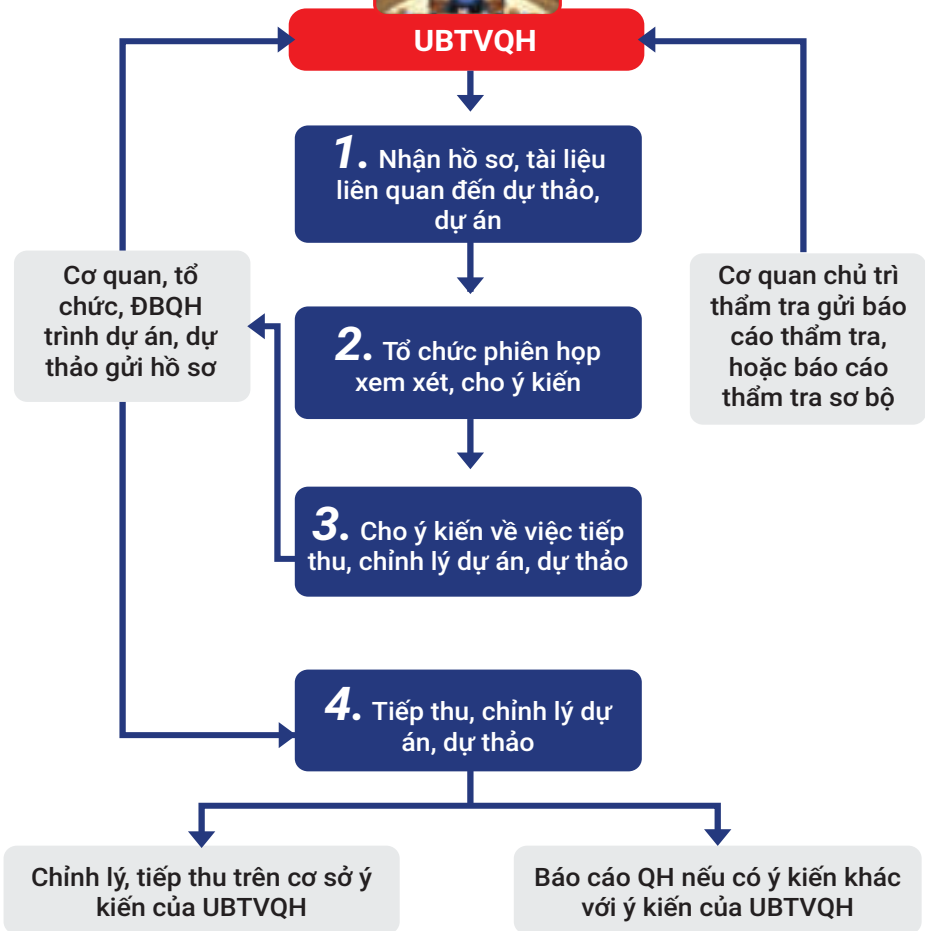
1. Khoản 1, Điều 8, Luật Ban hành VBQPPL.

5. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI XEM XÉT, CHO Ý KIẾN VỀ DỰ ÁN LUẬT, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

5.1 Quy trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội

Quy trình UBTVQH xem xét, cho ý kiến về dự án luật, dự thảo nghị quyết của QH gồm có 04 bước sau đây: (i) Nhận hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự án, dự thảo; (ii) Tổ chức phiên họp xem xét, cho ý kiến; (iii) Cho ý kiến về việc tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo; (iv) Tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo.

SƠ ĐỒ 21
**QUY TRÌNH UBND QUẬN XEM XÉT,
CHO Ý KIẾN VỀ CÁC DỰ ÁN LUẬT,
DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QH**



SƠ ĐỒ 22

**TRÌNH TỰ PHIÊN HỌP CỦA UBND QUỐC HỘI XEM XÉT,
CHO Ý KIẾN VỀ DỰ ÁN LUẬT, DỰ THẢO
NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI**



1

TRÌNH BÀY VỀ DỰ ÁN, DỰ THẢO



**CP, CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐBQH
TRÌNH DỰ ÁN, DỰ THẢO**

Thuyết trình về nội dung cơ bản của dự án, dự thảo



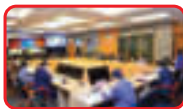
ĐẠI DIỆN CP

Phát biểu ý kiến về dự án,
dự thảo không do CP trình



2

TRÌNH BÀY BÁO CÁO THẨM TRA



**CƠ QUAN CHỦ TRÌ
THẨM TRA**

Trình bày báo cáo thẩm tra, kiến nghị
những vấn đề trình ra Quốc Hội tập trung thảo luận



3

THAM GIA PHÁT BIỂU Ý KIẾN



**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
CÁ NHÂN THAM DỰ PHIÊN HỌP**

Tham gia phát biểu ý kiến khi được mời về
nội dung của dự án, dự thảo

4

THẢO LUẬN



**UBTVQH
TIẾN HÀNH THẢO LUẬN**

5

KẾT LUẬN



CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

5.2 Sự tham gia của đại biểu Quốc hội vào quy trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội

Trong giai đoạn dự án, dự thảo được UBTVQH xem xét, cho ý kiến (đối với dự án luật, dự thảo nghị quyết của QH) sự tham gia của các ĐBQH không phải là thành viên của UBTVQH có phần hạn chế. Luật Ban hành VBQPPL không quy định rõ về nhiệm vụ, quyền hạn của ĐBQH trong giai đoạn này.

Các ĐBQH có thể được mời tham dự phiên họp của UBTVQH với tư cách là khách mời và có thể được tham gia phát biểu ý kiến khi được chủ tọa cho phép. Trong trường hợp này, đại biểu cần chuẩn bị kỹ ý kiến phát biểu và vận dụng các kỹ năng phát biểu để chuyển tải được các ý kiến của mình tới UBTVQH.

6. XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN LUẬT, PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

6.1 Trình tự Quốc hội xem xét, thông qua các dự án luật, dự thảo nghị quyết

Việc xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết có thể được tiến hành tại một hoặc hai kỳ họp QH tùy theo tính chất, quy mô của dự án luật, dự thảo nghị quyết. Trong trường hợp dự án luật lớn, nhiều điều, khoản có tính chất phức tạp thì QH có thể xem xét, thông qua dự án luật tại ba kỳ họp¹.

6.1.1 Trình tự Quốc hội xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại một kỳ họp

Quy trình xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại một kỳ họp QH bao gồm 08 bước sau đây: (1) Trình dự án, dự thảo; (2) Trình báo cáo thẩm tra về dự án, dự thảo; (3) QH thảo luận; (4) Tổng hợp ý kiến thảo luận về dự án, dự thảo; (5) Nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo; (6) UBTVQH báo cáo QH về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo; (7) QH biểu quyết thông qua; (8) Chủ tịch QH ký chứng thực dự án, dự thảo đã được thông qua hoặc QH quyết định việc trình lại hoặc xem xét thông qua tại kỳ họp tiếp theo theo đề nghị của UBTVQH đối với dự án, dự thảo chưa được thông qua hoặc chỉ thông qua một phần (xem sơ đồ 23).

1. Khoản 1, mục 5, Điều 73, Luật Ban hành VBQPPL.

SƠ ĐỒ 23

TRÌNH TỰ XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN LUẬT, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TẠI MỘT KỲ HỌP QH



2

TRÌNH BÁO CÁO THẨM TRA

Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra

1

TRÌNH DỰ ÁN, DỰ THẢO

Đại diện cơ quan, tổ chức, ĐBQH thuyết trình về dự án, dự thảo

3

QH THẢO LUẬN

- QH thảo luận tại phiên họp toàn thể (trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, dự án, dự thảo có thể được thảo luận ở Tổ ĐBQH);
- Cơ quan, tổ chức, ĐBQH trình dự án, dự thảo giải trình về những vấn đề liên quan;
- QH biểu quyết về những vấn đề quan trọng, những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau theo đề nghị của UBTVQH.

4

TỔNG HỢP Ý KIẾN

TTKQH tổ chức tổng hợp ý kiến của ĐBQH và kết quả biểu quyết để báo cáo UBTVQH và gửi cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan trình dự án, dự thảo.

5

**NGHIÊN CỨU, GIẢI TRÌNH,
TIẾP THU, CHỈNH LÝ DỰ ÁN, DỰ THẢO**

UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo theo trình tự:

- Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp cơ quan trình, Thường trực UBPL, Bộ Tư pháp... nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và xây dựng dự thảo Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự án, dự thảo có ý kiến bằng văn bản về nội dung giải trình, tiếp thu, chỉnh lý;
- Thường trực UBPL chủ trì rà soát để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật.

7

QH BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

QH biểu quyết về vấn đề còn ý kiến khác nhau theo đề nghị của UBTVQH (nếu có).
QH biểu quyết thông qua dự án, dự thảo.

6

UBTVQH BÁO CÁO QH

Về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.

*Chưa thông qua/
Thông qua một phần*

QH QUYẾT ĐỊNH

Việc trình lại hoặc xem xét, thông qua tại kỳ họp tiếp theo theo đề nghị của UBTVQH.

8

KÝ CHỨNG THỰC

Thông qua

Chủ tịch QH ký chứng thực luật, nghị quyết.

6.1.2 Trình tự Quốc hội xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại hai kỳ họp

Quy trình xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết của QH tại hai kỳ họp bao gồm 13 bước sau đây: (1) Trình dự án, dự thảo; (2) Trình báo cáo thẩm tra về dự án, dự thảo; (3) QH thảo luận; (4) Tổng hợp ý kiến thảo luận về dự án, dự thảo; (5) Nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo giữa kỳ họp thứ nhất và thứ hai; (6) UBTVQH báo cáo QH về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo; (7) QH thảo luận tại kỳ họp thứ hai; (8) Tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp về dự án, dự thảo; (9) UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo; (10) Rà soát kỹ thuật dự án, dự thảo; (11) UBTVQH báo cáo QH về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo; (12) QH biểu quyết thông qua; (13) Chủ tịch QH ký chứng thực dự án, dự thảo đã được thông qua hoặc QH quyết định việc trình lại hoặc xem xét thông qua tại kỳ họp tiếp theo theo đề nghị của UBTVQH đối với dự án, dự thảo chưa được thông qua hoặc chỉ thông qua một phần (xem sơ đồ 24).

SƠ ĐỒ 24

TRÌNH TỰ XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN LUẬT, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TẠI HAI KÌ HỌP QH



KỶ HỌP THỨ NHẤT

2

TRÌNH BÁO CÁO THẨM TRA

Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra

1

TRÌNH DỰ ÁN, DỰ THẢO

Đại diện cơ quan, tổ chức, ĐBQH thuyết trình về dự án, dự thảo

3

QH THẢO LUẬN

- QH thảo luận tại phiên họp toàn thể (trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, dự án, dự thảo có thể được thảo luận ở Tổ ĐBQH);
- Cơ quan, tổ chức, ĐBQH trình dự án, dự thảo giải trình về những vấn đề liên quan;
- QH biểu quyết về những vấn đề quan trọng, những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau theo đề nghị của UBTVQH.

4

TỔNG HỢP Ý KIẾN

TTKQH tổ chức tổng hợp ý kiến ĐBQH và kết quả biểu quyết

5

**NGHIÊN CỨU, GIẢI TRÌNH,
TIẾP THU, CHỈNH LÝ DỰ THẢO**

GIỮA HAI KỲ HỌP

UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo theo trình tự:

- Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp chủ thể trình, Thường trực UBPL, Bộ Tư pháp... nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và xây dựng dự thảo Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý.
- Trong trường hợp cần thiết, theo yêu cầu của UBTVQH, cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự án, dự thảo tổ chức đánh giá tác động đối với chính sách mới được đề nghị bổ sung.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự án, dự thảo có ý kiến bằng văn bản về nội dung giải trình, tiếp thu, chỉnh lý.
- UBTVQH xem xét, thảo luận về dự thảo báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và dự thảo văn bản (đã được chỉnh lý).
- UBTVQH quyết định việc tổ chức Hội nghị ĐBQH chuyên trách để thảo luận, cho ý kiến về những vấn đề lớn, vấn đề còn có ý kiến khác nhau.
- Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, Thường trực các ủy ban thảo luận, góp ý kiến và gửi Báo cáo tổng hợp ý kiến đến cơ quan chủ trì thẩm tra.
- Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra tổng hợp ý kiến của ĐBQH, Đoàn ĐBQH, các cơ quan của QH; chủ trì, phối hợp với chủ thể trình, Thường trực UBPL, Bộ Tư pháp nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý trình UBTVQH.

KỲ HỌP THỨ HAI

7

QH THẢO LUẬN

Về những nội dung còn có ý kiến khác nhau

6

**BÁO CÁO QH VỀ VIỆC
GIẢI TRÌNH, TIẾP THU**

UBTVQH báo cáo QH về việc giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.

8

TỔNG HỢP Ý KIẾN

TTK Quốc hội tổ chức tổng hợp ý kiến của ĐBQH để báo cáo UBND, gửi cơ quan chủ trì thẩm tra, chủ thể trình.

9

NGHIÊN CỨU, TIẾP THU, CHÍNH LÝ DỰ THẢO

UBND chỉ đạo tổ chức việc nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo

12

THÔNG QUA

QH biểu quyết về vấn đề còn ý kiến khác nhau theo đề nghị của UBND (nếu có).
QH biểu quyết thông qua dự án, dự thảo.

11

BÁO CÁO QH

UBND báo cáo QH về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo

10

RÀ SOÁT KỸ THUẬT

UBPL chủ trì rà soát, hoàn thiện về mặt kỹ thuật văn bản

*Chưa thông qua/
Thông qua một phần*

QH QUYẾT ĐỊNH

Việc trình lại hoặc xem xét, thông qua tại kỳ họp tiếp theo theo đề nghị của UBND.

13

KÝ CHỨNG THỰC

Thông qua

Chủ tịch QH ký chứng thực luật, nghị quyết .

6.1.3 Trình tự Quốc hội xem xét, thông qua dự án luật tại ba kỳ họp

Trình tự QH xem xét, thông qua dự án luật tại ba kỳ họp bao gồm 22 bước sau đây: (1) Trình dự án, dự thảo; (2) Trình báo cáo thẩm tra về dự án, dự thảo; (3) QH thảo luận; (4) Tổng hợp ý kiến thảo luận về dự án, dự thảo; (5) Nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo; (6) Lấy ý kiến nhân dân (nếu cần); (7) Thẩm tra dự án đã được chỉnh lý; (8) UBTVQH xem xét, cho ý kiến về việc chỉnh lý dự thảo; (9) Nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý (II); (10) Cơ quan, tổ chức, ĐBQH trình Báo cáo giải trình và kết quả lấy ý kiến nhân dân (nếu có) (tại kỳ họp thứ hai); (11) Trình báo cáo thẩm tra về dự thảo đã được chỉnh lý; (12) QH thảo luận (tại kỳ họp thứ hai); (13) Tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp về dự án, dự thảo; (14) UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo (giữa kỳ họp thứ hai và kỳ họp thứ ba); (15) UBTVQH báo cáo QH về giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo; (16) QH thảo luận (tại kỳ họp thứ ba); (17) Tổng hợp ý kiến thảo luận; (18) UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo; (19) Rà soát kỹ thuật dự án, dự thảo; (20) UBTVQH báo cáo QH về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo; (21) QH biểu quyết thông qua; (22) Chủ tịch QH ký chứng thực dự án, dự thảo đã được thông qua hoặc QH xem xét, quyết định theo đề nghị của UBTVQH đối với dự án, dự thảo chưa được thông qua hoặc chỉ thông qua một phần (xem sơ đồ 25).

SƠ ĐỒ 25

TRÌNH TỰ XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN LUẬT TẠI BA KÌ HỌP QH



KỶ HỌP THỨ NHẤT

2

TRÌNH BÁO CÁO THẨM TRA (I)

Cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra

1

TRÌNH DỰ ÁN

Đại diện cơ quan, tổ chức, ĐBQH thuyết trình về dự án

3

QH THẢO LUẬN

- QH thảo luận tại phiên họp toàn thể (trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, dự án, dự thảo có thể được thảo luận ở Tổ ĐBQH);
- Cơ quan, tổ chức, ĐBQH trình dự án, dự thảo giải trình về những vấn đề liên quan;
- QH biểu quyết về những vấn đề quan trọng, những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau theo đề nghị của UBTVQH.

4

TỔNG HỢP Ý KIẾN (1)

TTKQH tổ chức tổng hợp ý kiến ĐBQH và kết quả biểu quyết

GIỮA KỲ HỌP THỨ NHẤT VÀ KỲ HỌP THỨ HAI

(nghiên cứu, giải trình, tiếp thu,
chỉnh lý dự thảo)

6

LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN (NẾU CÓ)

Theo quyết định của UBND
(nếu có)
Đánh giá tác động chính sách
mới (nếu có)

5

NGHIÊN CỨU, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU, CHỈNH LÝ (I)

Cơ quan, tổ chức, ĐBQH phối hợp
với cơ quan chủ trì thẩm tra, Thường
trực UBPL, Bộ Tư pháp nghiên cứu,
giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và xây
dựng Báo cáo giải trình

7

THẨM TRA

Cơ quan thẩm tra tổ chức
thẩm tra dự án luật đã được
chỉnh lý

8

UBND XEM XÉT, CHO Ý KIẾN

Xem xét, cho ý kiến về việc
chỉnh lý dự thảo

9

NGHIÊN CỨU, TIẾP THU, CHỈNH LÝ (II)

Cơ quan, tổ chức, ĐBQH nghiên
cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo trên
cơ sở ý kiến của UBND

KỶ HỌP THỨ HAI

11

TRÌNH BÁO CÁO THẨM TRA (II)

Cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra dự thảo đã được chỉnh lý

10

TRÌNH BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU, CHỈNH LÝ

Cơ quan, tổ chức, ĐBQH trình Báo cáo giải trình và kết quả lấy ý kiến nhân dân (nếu có)

12

QH THẢO LUẬN

QH thảo luận tại phiên họp toàn thể (trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, dự án, dự thảo có thể được thảo luận ở Tổ ĐBQH)

QH BIỂU QUYẾT

Những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau theo đề nghị của UBTVQH

13

TỔNG HỢP Ý KIẾN (2)

TTKQH tổ chức tổng hợp ý kiến ĐBQH và kết quả biểu quyết

GIỮA KỶ HỌP THỨ 2 & KỶ HỌP THỨ 3

14

UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo theo trình tự:

- Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp chủ thể trình, Thường trực UBPL, Bộ Tư pháp... nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và xây dựng dự thảo Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý;
- Trong trường hợp cần thiết, theo yêu cầu của UBTVQH, cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự án tổ chức đánh giá tác động đối với chính sách mới được đề nghị bổ sung;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự án có ý kiến bằng văn bản về nội dung giải trình, tiếp thu, chỉnh lý;
- UBTVQH xem xét, thảo luận về dự thảo báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và dự thảo văn bản (đã được chỉnh lý);
- UBTVQH quyết định việc tổ chức Hội nghị ĐBQH chuyên trách để thảo luận, cho ý kiến về những vấn đề lớn, vấn đề còn có ý kiến khác nhau;
- Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐDT, Thường trực các ủy ban thảo luận, góp ý kiến và gửi Báo cáo tổng hợp ý kiến đến cơ quan chủ trì thẩm tra;
- Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra tổng hợp ý kiến của ĐBQH, Đoàn ĐBQH, các cơ quan của QH; chủ trì, phối hợp với chủ thể trình, Thường trực UBPL, Bộ Tư pháp nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý trình UBTVQH.

KỶ HỌP THỨ BA

16

QH THẢO LUẬN

Về những nội dung còn có ý kiến khác nhau

15

BÁO CÁO QH VỀ VIỆC GIẢI TRÌNH, TIẾP THU

UBTVQH báo cáo QH về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo. Chủ thể trình báo cáo QH nếu có ý kiến khác.

17

TỔNG HỢP Ý KIẾN (3)

TTKQH tổ chức tổng hợp ý kiến của ĐBQH để báo cáo UBND, gửi cơ quan chủ trì thẩm tra, chủ thể trình.

18

NGHIÊN CỨU, TIẾP THU, CHỈNH LÝ DỰ THẢO

UBND chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo

20

BÁO CÁO QH

UBND báo cáo QH về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo

19

RÀ SOÁT KỸ THUẬT

UBPL chủ trì rà soát, hoàn thiện về mặt kỹ thuật văn bản

21

THÔNG QUA

- QH biểu quyết về vấn đề còn ý kiến khác nhau theo đề nghị của UBND (nếu có).
- QH biểu quyết thông qua.

QUỐC HỘI

Xem xét, quyết định theo đề nghị của UBND.

*Chưa thông qua/
Thông qua một phần*

22

KÝ CHỨNG THỰC

Chủ tịch QH ký chứng thực luật

Thông qua

6.2 Trình tự Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua các dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết

UBTVQH xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết tại một hoặc hai phiên họp UBTVQH.

6.2.1 Trình tự Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết tại một phiên họp

Trình tự UBTVQH xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của UBTVQH tại một phiên họp bao gồm 10 bước sau đây: (1) Trình dự án, dự thảo; (2) Trình báo cáo thẩm tra về dự án, dự thảo; (3) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phát biểu ý kiến; (4) UBTVQH thảo luận; (5) Nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo; (6) Cơ quan trình cho ý kiến về nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh lý; (7) Rà soát, hoàn thiện dự thảo; (8) Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo UBTVQH về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý; (9) UBTVQH biểu quyết thông qua; (10) Chủ tịch QH ký ban hành (*xem sơ đồ 26*).

SƠ ĐỒ 26

TRÌNH TỰ XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TẠI MỘT PHIÊN HỌP UBTVQH



01.

**TRÌNH DỰ ÁN,
DỰ THẢO**



→ Đại diện cơ quan, tổ chức, ĐBQH thuyết trình về dự án, dự thảo

02.

**TRÌNH BÁO CÁO
THẨM TRA**



Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra

04.

**UBTVQH
THẢO LUẬN**



- UBTVQH thảo luận
- Chủ tọa phiên họp kết luận

03.

Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phát biểu ý kiến

05.

**NGHIÊN CỨU, GIẢI TRÌNH,
TIẾP THU, CHỈNH LÝ DỰ THẢO**



Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp cơ quan trình, Thường trực UBPL, Bộ Tư pháp... nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và xây dựng dự thảo Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý.

06.
**Ý KIẾN
CỦA CƠ
QUAN TRÌNH**

→ Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo có ý kiến bằng văn bản về những nội dung giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và đề xuất phương án để báo cáo UBND

07.
**RÀ SOÁT,
HOÀN THIỆN DỰ THẢO**



08.
**THƯỜNG TRỰC CƠ QUAN
CHỦ TRÌ THẨM TRA
BÁO CÁO UBND**



← Trước khi UBND biểu quyết thông qua, dự thảo được gửi tới Thường trực UBND để rà soát, hoàn thiện về mặt kỹ thuật văn bản.



Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo UBND về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo

09.
**UBND
BIỂU QUYẾT THÔNG QUÁ**



← UBND biểu quyết về vấn đề còn ý kiến khác nhau theo đề nghị của Chủ tọa (nếu có). UBND biểu quyết thông qua dự án, dự thảo.

KÝ BAN HÀNH

Chủ tịch QH ký ban hành pháp lệnh, nghị quyết

6.2.2 Trình tự Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết tại hai phiên họp

Trình tự UBTVQH xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết tại hai phiên họp bao gồm 10 bước sau đây: (1) Trình dự án, dự thảo; (2) Trình báo cáo thẩm tra về dự án, dự thảo; (3) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phát biểu ý kiến; (4) UBTVQH thảo luận; (5) Nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo; (6) Cơ quan trình cho ý kiến về nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh lý; (7) Rà soát, hoàn thiện dự thảo; (8) Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo UBTVQH về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý (tại phiên họp thứ hai); (9) UBTVQH biểu quyết thông qua; (10) Chủ tịch QH ký ban hành (xem sơ đồ 27).

SƠ ĐỒ 27
**TRÌNH TỰ XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN
PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TẠI HAI
PHIÊN HỌP UBND QUẬN**



PHIÊN HỌP THỨ NHẤT

01.
**TRÌNH DỰ ÁN,
DỰ THẢO**



Đại diện cơ quan, tổ chức, ĐBQH thuyết trình về dự án, dự thảo



02.
**TRÌNH BÁO CÁO
THẨM TRA**



04.

**UBND QUẬN
THẢO LUẬN**



- UBND QUẬN thảo luận
- Chủ tọa phiên họp kết luận

03.

Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phát biểu ý kiến

Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra

GIỮA HAI PHIÊN HỌP

05.

**NGHIÊN CỨU, GIẢI TRÌNH,
TIẾP THU, CHỈNH LÝ DỰ THẢO**



- Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp cơ quan trình, Thường trực UBND QUẬN, Bộ Tư pháp... nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý;
- Chủ thể trình dự án, dự thảo tổ chức đánh giá tác động đối với các chính sách mới bổ sung.

06. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TRÌNH

→ Cơ quan, tổ chức, ĐBQH trình dự án, dự thảo có ý kiến bằng văn bản về những nội dung giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và đề xuất phương án để báo cáo UBND

07. RÀ SOÁT, HOÀN THIỆN DỰ THẢO



PHIÊN HỌP THỨ HAI

08. THƯỜNG TRỰC CƠ QUAN CHỦ TRÌ THẨM TRA BÁO CÁO UBND



← Trước khi UBND biểu quyết thông qua, dự thảo được gửi tới Thường trực UBND để rà soát, hoàn thiện về mặt kỹ thuật văn bản.

↓
Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo UBND về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo

09. UBND BIỂU QUYẾT THÔNG QUA



← UBND biểu quyết về vấn đề còn ý kiến khác nhau theo đề nghị của Chủ tọa (nếu có). UBND biểu quyết thông qua dự án, dự thảo.

KÝ BAN HÀNH

Chủ tịch QH ký ban hành pháp lệnh, nghị quyết

6.3 Sự tham gia của đại biểu Quốc hội vào quy trình xem xét, thông qua các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết

Ở giai đoạn xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của UBTVQH, sự tham gia của các ĐBQH không phải là thành viên của UBTVQH là không nhiều. Các ĐBQH có thể được mời tham dự phiên họp của UBTVQH với tư cách là khách mời và có thể tham gia phát biểu ý kiến khi được chủ tọa cho phép.

Sự tham gia của ĐBQH trong quy trình lập pháp được thể hiện rõ nhất trong quá trình QH xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết của QH. Trong giai đoạn này, ĐBQH có thể tham gia phát biểu ý kiến, biểu quyết thông qua dự án, dự thảo tại phiên họp toàn thể của QH; hoặc phát biểu ý kiến, tranh luận tại các phiên họp Tổ, họp Đoàn về dự án luật, dự thảo nghị quyết của QH; hoặc góp ý kiến về dự án, dự thảo bằng văn bản tới QH.

Để phát huy tốt nhất vai trò của mình, một số kỹ năng cần lưu ý đối với ĐBQH trong giai đoạn này gồm thu thập, phân tích, xử lý thông tin; kỹ năng trình bày, phát biểu ý kiến, tranh luận, cụ thể như sau:

a) Thu thập, phân tích và xử lý thông tin chuẩn bị cho bài phát biểu

Để có một bài phát biểu thành công, ĐBQH cần chuẩn bị công phu, kỹ càng. Trước hết, ĐBQH cần tìm hiểu về những nội dung cơ bản của dự án, dự thảo thông qua các tài liệu trong hồ sơ dự án, dự thảo do cơ quan trình dự án, dự thảo gửi tới. Theo chia sẻ của một ĐBQH, việc thu thập, xử lý thông tin trong giai đoạn này cần hết sức lưu ý để cân bằng giữa khối lượng tài liệu và quỹ thời gian, đặc biệt là trong thời gian kỳ họp, QH tiến hành xem xét, thảo luận nhiều dự án luật. Có những dự án, dự

thảo phức tạp đòi hỏi đại biểu phải dành nhiều thời gian đọc, nghiên cứu một khối lượng tài liệu đồ sộ¹. Vì vậy, chờ đợi hồ sơ dự án, dự thảo được gửi theo kênh chính thức không phải là cách duy nhất để tiếp cận các nội dung cơ bản của dự án, dự thảo. Theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL thì từ những dự thảo đầu tiên trong quá trình soạn thảo, các cơ quan chủ trì soạn thảo đã phải đăng tải trên cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến. Mặc dù các tài liệu này chưa phải là tài liệu chính thức được sử dụng trong các phiên thảo luận của QH nhưng cũng đủ các nội dung để ĐBQH tìm hiểu được mục đích, nội dung chính sách cơ bản của dự án, dự thảo². Bên cạnh đó, Cổng thông tin điện tử của QH cũng đăng tải, cập nhật thường xuyên các dự án, dự thảo và các tài liệu kèm theo một cách thường xuyên³.

Ngoài hồ sơ dự án, ĐBQH cần nghiên cứu, phân tích thêm thông tin tham khảo từ nhiều nguồn khác nhau và cần đặc biệt lưu ý đến nguồn thông tin từ cử tri (các ý kiến góp ý của nhân dân về dự án, dự thảo mà đại biểu thu thập được qua hoạt động tiếp xúc cử tri, qua các hội nghị, hội thảo tham vấn công chúng về dự án, dự thảo...) và thông tin từ báo chí. Trên cơ sở các thông tin này, ĐBQH có thể nắm bắt được thông tin về tâm tư, nguyện vọng cũng như bức xúc, ý kiến của cử tri. Một nguồn thông tin, tài liệu tham khảo khác mà đại biểu có thể thu thập là từ các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, cung cấp thông tin của bộ máy giúp việc QH, bao gồm VNCLP của UBND và Thư viện Quốc hội thuộc VPQH. Ngoài ra, đại biểu cũng có thể thu thập

1. ĐBQH Trương Trọng Nghĩa, ĐBQH khóa XIII, XIV, “Quá trình thu thập, nghiên cứu, xử lý thông tin phục vụ việc thảo luận, xem xét và thông qua dự án luật của ĐBQH”, Diễn đàn chính sách về thu thập, phân tích, xử lý thông tin tham khảo trong hoạt động của ĐBQH do VPQH phối hợp với USAID GIG tổ chức tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc ngày 15-16/6/2016.

2. VPQH, “Sự tham gia của đại biểu Quốc hội vào quy trình xây dựng luật, pháp lệnh”, NXB Thời Đại, Hà Nội, năm 2010, tr.109.

3. Trang thông tin điện tử lấy ý kiến nhân dân do Thư viện Quốc hội quản trị nội dung tại địa chỉ: duthaoonline.quochoi.vn.

thông tin tham khảo từ các trường đại học, viện nghiên cứu, các hiệp hội...

b) Trình bày, phát biểu ý kiến và tranh luận

Đối với đại biểu, kỹ năng trình bày, phát biểu ý kiến đóng vai trò hết sức quan trọng vì hình thức làm việc chủ yếu của QH là hội nghị.

Phát biểu là diễn đạt ý bằng lời, do vậy, điều quan trọng trước tiên khi xây dựng bài phát biểu là hình thành và xác định ý tưởng. Để trình bày bài phát biểu đạt yêu cầu như mong muốn, ĐBQH cần xác định trước nội dung mình muốn truyền đạt, gửi đến người nghe, xem xét xem ý mình dự định phát biểu có trùng lặp chưa. Nếu trùng lặp cần lọc bớt hoặc trình bày ngắn gọn những điểm mình đồng ý và tập trung vào những ý chưa được đề cập đến¹.

Theo kinh nghiệm của GS.TS Nguyễn Ngọc Trân, tốt nhất mỗi lần phát biểu một nội dung. Xác định ý chính của nội dung, hình thành các lập luận dẫn đến ý đó (chứng minh sự cần thiết và tính đúng đắn). Nếu có thực tế chứng minh, ví dụ minh họa thì càng tăng thêm tính thuyết phục người nghe. Tuy nhiên cũng cần phải lưu ý lựa chọn những ví dụ mang tính phổ biến, không nên đưa ra những dẫn chứng của những trường hợp đặc biệt hoặc cá biệt. Sau khi đã chuẩn bị xong bài phát biểu, bản thân ĐBQH cũng nên *tự phản biện* trước khi phát biểu để kiểm tra xem những lập luận mình dự kiến đưa ra đã chặt chẽ, logic chưa, liệu có thể bị “bắt bẻ” ở điểm nào không?²

Một trong những điểm mới của quá trình đổi mới tổ chức, hoạt động của QH trong những năm gần đây đó là hoạt động

1. GS.TSKH Nguyễn Ngọc Trân là ĐBQH khóa IX, X, và XI.

2. Theo GS.TSKH Nguyễn Ngọc Trân, “Về kỹ năng của người đại biểu dân cử”, NXB Lao động, năm 2016, tr.41, tr.43.

thảo luận, tranh luận ở nghị trường đã dần trở nên phổ biến và sôi động hơn. Vì vậy, ĐBQH cũng cần trang bị và trau dồi thêm kỹ năng tranh luận.

Vì tranh luận trước tiên cũng là phát biểu nên kỹ năng này có nhiều điểm chung với kỹ năng phát biểu đã được trình bày ở trên. Điểm khác biệt cần chú ý thêm ở đây là khi tham gia tranh luận, ĐBQH cần nắm được mục đích tranh luận (tranh luận để làm rõ hơn vấn đề lập pháp hay để thuyết phục quan điểm của mình trong trường hợp vấn đề có nhiều quan điểm khác nhau...). ĐBQH tham gia tranh luận thường để bảo vệ chính kiến, quan điểm của mình. Việc bảo vệ này dựa trên những lập luận chặt chẽ và sự đối sánh thông tin giữa các tài liệu của cơ quan soạn thảo cung cấp, báo cáo thẩm tra... và những thông tin mà các ĐBQH có được và thậm chí những thông tin hình thành trong tranh luận. Điều quan trọng ở đây là xây dựng được kỹ năng truy xuất thông tin cần thiết, đúng lúc, đúng chỗ. Một trong những điểm cần lưu ý trong tranh luận là việc giữ thái độ điềm tĩnh và lắng nghe ý kiến khác, đặc biệt là những ý kiến trái ngược với ý kiến của mình¹.

1. Theo GS.TSKH Nguyễn Ngọc Trân, “Về kỹ năng của người đại biểu dân cử”, NXB Lao động, năm 2016, tr.41, tr.43.

SƠ ĐỒ 28
MỘT SỐ LƯU Ý KHI THAM GIA THẢO LUẬN
DỰ ÁN LUẬT TẠI KỲ HỌP



Xác định phạm vi và trọng tâm vấn đề tham gia thảo luận

Nắm vững quy trình, thủ tục tham gia thảo luận



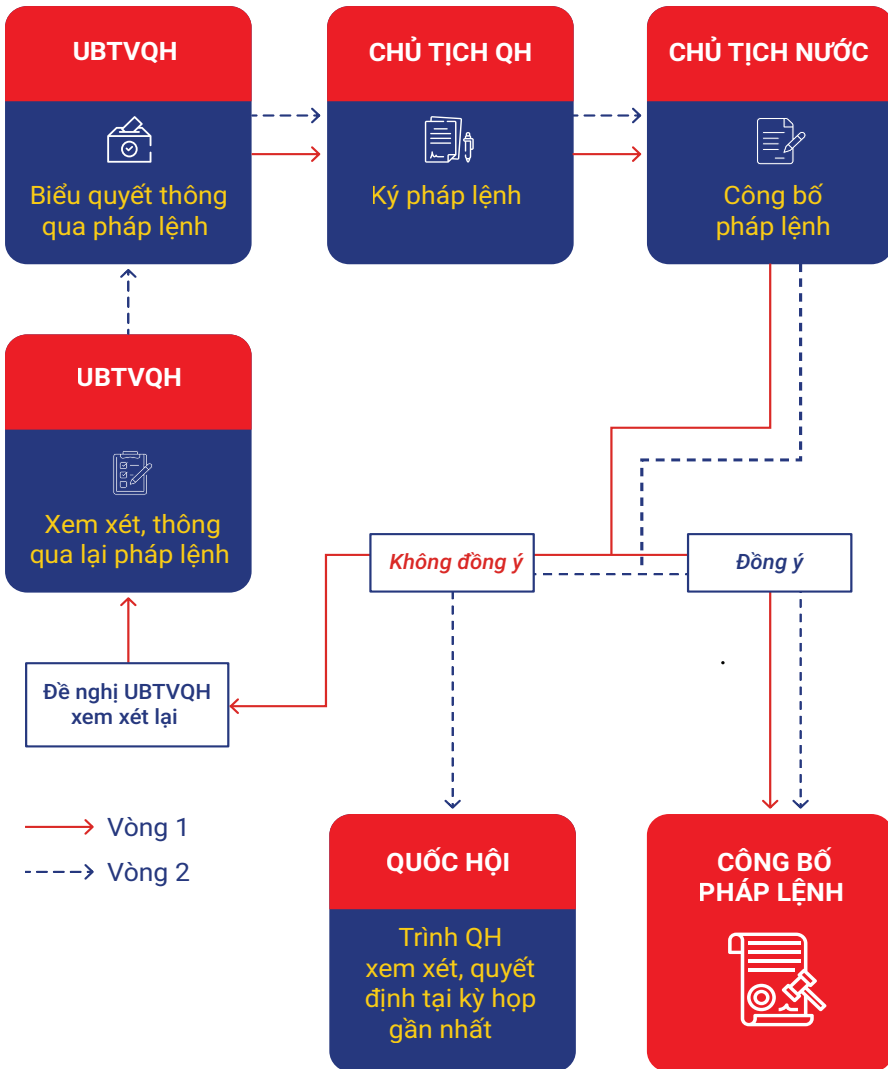
Phân tích, xử lý thông tin đã thu thập được (bao gồm cả thông tin chính thức và thông tin tham khảo)

Nắm vững diễn tiến về trình tự (thời gian biểu) của việc thảo luận (Tổ, Đoàn, phiên họp toàn thể)

7. QUY TRÌNH CÔNG BỐ LUẬT, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT



SƠ ĐỒ 30 QUY TRÌNH CÔNG BỐ PHÁP LỆNH




SƠ ĐỒ 31
QUY TRÌNH CÔNG BỐ NGHỊ QUYẾT CỦA QH, UBND



QH, UBND
thông quan nghị quyết




Chủ tịch QH
ký chứng thực NQ
của QH, ký NQ của
UBND

TTQH
công bố nghị quyết



Chậm nhất 15 ngày
kể từ ngày ban hành



hoặc chậm nhất 05 ngày đối với
Nghị quyết ban hành theo thủ tục rút gọn



CHƯƠNG II

HỖ TRỢ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ LẬP PHÁP

1. HỖ TRỢ VỀ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

Theo quy định, ĐBQH thường xuyên được bồi dưỡng kỹ năng hoạt động và cập nhật kiến thức ở nhiều nội dung khác nhau, ngay từ khi đại biểu trúng cử. Đồng thời, trong suốt nhiệm kỳ QH, ĐBQH cũng thường xuyên được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nói chung và các kiến thức, kỹ năng liên quan tới hoạt động lập pháp nói riêng.

Ngoài ra, khi có nhu cầu tham gia các khóa học nâng cao trình độ phù hợp với điều kiện và lĩnh vực chuyên môn được đảm nhiệm, ĐBQH hoạt động chuyên trách làm đơn gửi UBTWQH xem xét, quyết định, trong hồ sơ phải có ý kiến của lãnh đạo cơ quan nơi mình công tác đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách ở trung ương; ý kiến của Trưởng Đoàn ĐBQH đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách ở địa phương¹.

1. Nghị quyết 353/2017/UBTVQH14 của UBTWQH ban hành ngày 17 tháng 4 năm 2017 về bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của ĐBQH.

2. HỖ TRỢ VỀ BÁO CHÍ, TRUYỀN THÔNG

Tiếp xúc làm việc với cơ quan truyền thông là việc làm không thể thiếu của từng cá nhân ĐBQH và có tính hai chiều. Truyền thông, báo chí có nhu cầu và nhiệm vụ đưa tin về hoạt động của ĐBQH, giúp cử tri nắm bắt được các hoạt động của ĐBQH. Thông qua báo chí, truyền thông, ĐBQH cũng có thể tranh thủ được sự ủng hộ của cử tri, tăng sự đồng thuận của các cơ quan, tổ chức, nhằm đạt mục tiêu của đại biểu (ví dụ như trình sáng kiến lập pháp, trình dự án luật...). Khi cần hỗ trợ về báo chí, truyền thông, ĐBQH có thể liên hệ với Vụ Thông tin, Báo Đại biểu nhân dân, Truyền hình Quốc hội thuộc VPQH.

3. HỖ TRỢ VỀ THÔNG TIN THAM KHẢO

Thư viện Quốc hội là đơn vị cấp vụ trực thuộc VPQH, có nhiệm vụ tổ chức hoạt động nghiên cứu, cung cấp thông tin dự báo và theo yêu cầu để phục vụ nhu cầu tham khảo của UBND, HĐND, các UB của QH và các vị ĐBQH¹.

1. Nghị quyết số 618/2013/UBTVQH13 ban hành ngày 10 tháng 7 năm 2013 của UBTVQH về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 417/2003/NQ-UBTVQH11 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của VPQH.

SƠ ĐỒ 32
QUY TRÌNH CUNG CẤP THÔNG TIN
THEO YÊU CẦU CỦA ĐBQH



1 Gửi yêu cầu cung cấp thông tin đến Thư viện QH

- ĐBQH và các cơ quan của QH gửi yêu cầu cung cấp thông tin đến Thư viện QH thông qua:
 - **Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến (hht.quochoi.vn);**
 - **Công văn hoặc Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin (gửi về Thư viện QH. Địa chỉ: Nhà Quốc hội, đường Độc Lập, Ba Đình, Hà Nội);**
 - **Email: thuvienquochoi@quochoi.vn;**
 - **Điện thoại: 080.41459; 080.41984.**
- Yêu cầu cung cấp thông tin cần đảm bảo cụ thể, rõ ràng về nội dung, phù hợp về thời hạn cung cấp.



2 Tiếp nhận và tổ chức xử lý yêu cầu

- Thư viện QH tiếp nhận yêu cầu. Trường hợp cần làm rõ thêm nhu cầu, nội dung, thời hạn cung cấp, Thư viện QH liên hệ và trao đổi trực tiếp.
- Thư viện QH tổ chức nghiên cứu, biên dịch, điều tra khảo sát, Tọa đàm, Hội thảo hoặc khai thác thông tin, dữ liệu từ các cơ quan, đơn vị liên quan...



3 Trả kết quả

- Bản điện tử của kết quả được gửi tự động đến ĐBQH qua hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến tại địa chỉ: **<http://hht.quochoi.vn/>**
ĐBQH truy cập tài khoản của mình để nhận kết quả.
- Ngoài ra, tùy theo nhu cầu của ĐBQH và các cơ quan của QH, Thư viện QH sẽ gửi kết quả qua Công văn hoặc thư điện tử.



4 Tiếp nhận và xử lý phản hồi về yêu cầu thông tin của cơ quan hoặc ĐBQH

Trường hợp chưa hài lòng hoặc cần bổ sung thêm thông tin, các cơ quan của QH, Đoàn ĐBQH hoặc ĐBQH gửi phản hồi thông qua hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến hoặc trao đổi trực tiếp với lãnh đạo Thư viện QH.

Hoạt động cung cấp thông tin tham khảo được Thư viện Quốc hội tổ chức thực hiện theo hai hình thức sau:

3.1 Cung cấp thông tin theo yêu cầu

Cung cấp thông tin theo yêu cầu là hoạt động phục vụ trực tiếp nhu cầu thông tin của ĐBQH, các cơ quan của QH. Hình thức cung cấp thông tin này xuất phát từ nhu cầu về thông tin và sự chủ động ở phía các vị ĐBQH hoặc các cơ quan của QH. Do đó, nội dung thông tin hoặc các sản phẩm từ dịch vụ nghiên cứu sẽ đáp ứng tối đa theo yêu cầu và phục vụ trực tiếp hoạt động của ĐBQH hoặc các cơ quan của QH. Hình thức cung cấp thông tin này được phục vụ mà không có sự phân biệt giữa các cơ quan của QH, giữa vị trí công tác, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm hay chuyên trách hoặc ĐBQH ở Trung ương hay địa phương.

Khi có nhu cầu về thông tin, tài liệu tham khảo, ĐBQH có thể đăng nhập **Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến** (<http://hht.quochoi.vn>) bằng tài khoản eoffice do VPQH cung cấp để khai thác thông tin, tài liệu sẵn có trên hệ thống hoặc đặt các câu hỏi/yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu. Ngoài ra, ĐBQH hoặc các cơ quan của QH cũng có thể sử dụng các hình thức khác như: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, gửi thư điện tử; gọi điện thoại đến Thư viện Quốc hội để đưa yêu cầu về thông tin. Trên cơ sở này, Thư viện Quốc hội sẽ tổ chức khai thác, tổng hợp hoặc nghiên cứu, điều tra, biên dịch, đáp ứng yêu cầu của ĐBQH hoặc các cơ quan của QH.

Trong thời gian diễn ra các kỳ họp Quốc hội, Thư viện Quốc hội tổ chức tiếp nhận và trả lời các yêu cầu của ĐBQH tại Khu vực cung cấp thông tin được bố trí tại sảnh trước Hội trường Diên Hồng. ĐBQH có thể dễ dàng gửi yêu cầu và nhận lại thông tin, tài liệu. Ngoài ra, ĐBQH có thể truy cập và sử dụng hệ thống thư viện số, thư viện điện tử khai thác thông tin sẵn có của Thư viện Quốc hội ở mọi nơi, mọi lúc.

3.2 Cung cấp thông tin dự báo

Trên cơ sở Chương trình hoạt động hàng năm của QH và kết quả khảo sát nhu cầu thông tin của đại biểu QH, Thư viện Quốc hội chủ động tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu, điều tra, khảo sát xã hội, tổng hợp, biên dịch tài liệu tham khảo nước ngoài và thực hiện chính sách bổ sung sách, ấn phẩm nhằm chuẩn bị nguồn lực thông tin, chủ động cung cấp phục vụ nhu cầu tham khảo của ĐBQH và các cơ quan của QH.

Các loại hình thông tin dự báo bao gồm: Báo cáo nghiên cứu chuyên đề, Thông tin tham khảo lập pháp nước ngoài; Báo cáo điều tra, khảo sát xã hội hoặc số liệu thống kê; Báo cáo kết quả hội thảo, tọa đàm khoa học; Tổng hợp ý kiến chuyên gia; Sách, ấn phẩm; Bài viết, bài nghiên cứu trên các tạp chí khoa học...

Thông tin chuyên đề: Đây là hình thức đặc trưng của hoạt động cung cấp thông tin hỗ trợ ĐBQH do Thư viện Quốc hội thực hiện. Nội dung các sản phẩm nghiên cứu, được thực hiện theo nhiều lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội... và được tập trung phân tích, tổng hợp cả về lý luận và thực tiễn cũng như kinh nghiệm của các nước trên thế giới nhằm cung cấp thêm thông tin, luận cứ, cơ sở khoa học hỗ trợ quá trình thảo luận, xem xét và quyết định chính sách, pháp luật của ĐBQH, các cơ quan của QH.

Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát: Hoạt động điều tra, khảo sát được Thư viện Quốc hội thực hiện nhằm cung cấp thông tin, số liệu độc lập, mang tính định lượng và ý kiến, kiến nghị cũng như nguyện vọng của cử tri về các chính sách, pháp luật do QH ban hành hoặc về những nội dung, vấn đề của dự thảo chính sách, pháp luật hoặc nghị quyết đang còn có những ý kiến, quan điểm khác nhau, qua đó góp phần hỗ trợ ĐBQH nắm bắt được xu hướng và mong muốn của người dân để có thể đưa ra các quyết định phù hợp.

Thông tin tham khảo nước ngoài: Thư viện Quốc hội sưu tầm và lựa chọn biên dịch thông tin về chính sách, văn bản luật, Hiến pháp của một số nước trên thế giới có liên quan đến Chương trình hoạt động hằng năm của QH nước ta để cung cấp đến ĐBQH và các cơ quan của QH tham khảo. Thông tin tham khảo nước ngoài được thực hiện dưới hình thức dịch nguyên bản Hiến pháp hoặc các văn bản luật hoặc tổng hợp, so sánh chính sách, pháp luật của một số nước trên thế giới.

3.3 Cách thức yêu cầu cung cấp thông tin và sử dụng các dịch vụ thư viện

➤ Đối với dịch vụ cung cấp thông tin, nghiên cứu theo yêu cầu của ĐBQH và các cơ quan của QH: ĐBQH dùng tài khoản eoffice cá nhân đăng nhập vào *Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến* (<http://hht.quochoi.vn>; có thể dùng phiên bản máy tính và ứng dụng trên thiết bị di động); hoặc ĐBQH và các cơ quan của QH có thể gửi yêu cầu cung cấp thông tin về Thư viện Quốc hội qua: *Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin; Công văn; Thư điện tử* (thuvienquochoi@quochoi.vn); hoặc qua điện thoại (080.41984).

➤ Đối với các sản phẩm thông tin, nghiên cứu dự báo: ĐBQH có thể lựa chọn trên giá tài liệu tại Khu vực cung cấp thông tin trong thời gian diễn ra các kỳ họp QH hoặc tại Phòng đọc Thư viện Quốc hội hoặc bản điện tử trên các phần mềm quản lý của Thư viện Quốc hội; Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến hoặc trên App QH được cài đặt trên thiết bị Ipad cung cấp cho ĐBQH;

➤ ĐBQH tra cứu, khai thác thông tin, mượn – trả sách, ấn phẩm, báo, tạp chí và tài liệu sẵn có **trực tiếp** tại Phòng đọc Thư viện Quốc hội (Phòng B1A2, tầng B1, Nhà Quốc hội);

➤ ĐBQH sử dụng máy tính hoặc kết nối thiết bị không dây để truy cập, tìm kiếm sách, ấn phẩm và đăng ký mượn – trả

(đối với bản giấy); Tải thông tin, tài liệu, mượn - trả tài liệu số trên phần mềm Thư viện số hoặc các phần mềm quản lý khác của Thư viện Quốc hội. Cụ thể như sau:

- Trang Thư viện truyền thống (KOHA - tìm kiếm, tra cứu thông tin về sách, ấn phẩm và tài liệu bản giấy):
<https://thuvientruyenthong.quochoi.vn;>
- Trang Thư viện số (DSpace - tìm kiếm, tra cứu thông tin về sách, ấn phẩm và tài liệu bản số):
<https://thuvienso.quochoi.vn;>
- Phần mềm tìm kiếm tập trung (VUFIND) dùng để tìm kiếm tài liệu gồm cả bản giấy và bản số:
<https://tracuutaptrung.quochoi.vn;>
- Phần mềm Mượn - Trả tài liệu số (phiên bản máy tính và ứng dụng di động): <https://muontailieuso.quochoi.vn;>
- Trang thông tin điện tử của Thư viện Quốc hội:
<https://thuvien.quochoi.vn;>
- Trang lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật và pháp lệnh: <http://duthaoonline.quochoi.vn.>

4. HỖ TRỢ VỀ TÀI CHÍNH

4.1 Các hỗ trợ tài chính chung cho đại biểu Quốc hội

Về hoạt động phí, ĐBQH được cấp hoạt động phí hằng tháng bằng hệ số 1,0 mức lương cơ sở. ĐBQH chuyên trách sẽ được trả lương, phụ cấp và các chế độ khác từ ngân sách nhà nước. ĐBQH không chuyên trách có hưởng lương hoặc trợ cấp từ ngân sách nhà nước hoặc từ Quỹ bảo hiểm xã hội, trong thời gian thực hiện nhiệm vụ đại biểu được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi ĐBQH làm việc bảo đảm trả lương, phụ cấp và các chế độ khác. ĐBQH không hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ Quỹ bảo hiểm xã hội được hưởng

thù lao tham gia hoạt động Quốc hội bằng hệ số 0,2 mức lương cơ sở/ngày, tính cho 120 ngày làm việc/năm. Khoản thù lao này do Đoàn ĐBQH nơi ĐBQH đang sinh hoạt chi trả¹.

Về chế độ thuê khoán thư ký giúp việc, ĐBQH có quyền thuê người thực hiện một hoặc một số việc của công tác thư ký. Người được thuê thực hiện công tác thư ký cho ĐBQH phải là người đang làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi ĐBQH làm việc. Mức khoán thuê thư ký giúp việc đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách là bằng 100% của 2,34 mức lương cơ sở; đối với ĐBQH hoạt động không chuyên trách bằng 40% của 2,34 mức lương cơ sở².

Về chế độ chi mời chuyên gia, ĐBQH được mời chuyên gia nghiên cứu để phục vụ công tác đại biểu của mình. Ví dụ như, khi ĐBQH đang muốn trình kiến nghị và đề nghị về luật, pháp lệnh, hoặc đang mong muốn phát biểu ý kiến, thảo luận về các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết... Định mức chi mời chuyên gia theo thỏa thuận bằng văn bản giữa ĐBQH và chuyên gia nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/bài và không quá 50.000.000 đồng/đại biểu/năm. Riêng năm chuyển giao giữa hai nhiệm kỳ thì không quá 25.000.000 đồng/năm³.

4.2 Tài chính cho công tác lập pháp của đại biểu Quốc hội

Đại biểu được hỗ trợ về tài chính cho hoạt động lập pháp theo nguyên tắc bảo đảm đúng dự toán, đúng chế độ, định mức và các yếu tố đặc thù trong hoạt động của QH. Các hoạt động trong công tác lập pháp được cấp kinh phí thực hiện bao gồm:

1. Nghị quyết số 353/2017/UBTVQH14 ngày 17 tháng 4 năm 2017 quy định bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của ĐBQH.
2. Nghị quyết số 353/2017/UBTVQH14 ngày 17 tháng 4 năm 2017 quy định bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của ĐBQH.
3. Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của UBTVQH về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của QH.

- *Lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh và soạn thảo dự án luật, pháp lệnh:* kinh phí cho các hoạt động này được thực hiện theo đúng chế độ, định mức và đối tượng theo quy định của Thông tư số 338/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2016, quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- *Thẩm tra, chỉnh lý dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết:* kinh phí cho các hoạt động này được bảo đảm trên cơ sở dự toán theo các định mức, chế độ, đối tượng chi được quy định tại Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 được ban hành ngày 20 tháng 9 năm 2012 về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của QH.

- *Hỗ trợ ĐBQH trong việc nghiên cứu để tham gia ý kiến thảo luận về dự án luật:* ĐBQH được hỗ trợ kinh phí cho công tác tự nghiên cứu để tham gia ý kiến vào dự án luật. Đối với dự án luật ban hành mới, dự án luật thay thế, mức chi hỗ trợ đại biểu là 1.000.000 đồng/dự án/năm. Đối với dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều, mức chi là 500.000 đồng/dự án/năm¹.

Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán và các định mức, chế độ kinh phí cụ thể hỗ trợ ĐBQH trong công tác lập pháp được quy định tại:

➤ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

➤ Nghị quyết số 555/NQ-UBTVQH13 ngày 28/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện phụ cấp công tác đại biểu Quốc hội chuyên trách;

1. Theo quy định của Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 được ban hành ngày 20 tháng 9 năm 2012 về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của QH.

➤ Nghị quyết số 353/2017/UBTVQH14 ngày 17/4/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Quốc hội;

➤ Thông tư số 338/2016/TT-BTC, ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng VBQPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

5. CƠ QUAN HỖ TRỢ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TRONG HOẠT ĐỘNG LẬP PHÁP

Theo quy định của pháp luật hiện hành, các cơ quan hỗ trợ QH, UBTVQH, các cơ quan của QH, ĐBQH trong hoạt động lập pháp gồm có: Tổng Thư ký Quốc hội; VPQH, Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, VNCLP (xem sơ đồ 33).

Sơ đồ 33. Các cơ quan hỗ trợ ĐBQH trong hoạt động lập pháp

SƠ ĐỒ 33 CÁC CƠ QUAN HỖ TRỢ ĐBQH TRONG HOẠT ĐỘNG LẬP PHÁP



Tổng Thư ký Quốc hội

TTKQH do QH bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Giúp việc cho TTKQH có Ban Thư ký. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ban Thư ký do UBNDQH quy định.



Nhiệm vụ và quyền hạn

- ✓ Tham mưu cho Chủ tịch QH, UBNDQH về dự kiến chương trình làm việc; về quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động của QH, UBNDQH;
- ✓ Là người phát ngôn của QH, UBNDQH;
- ✓ Tổ chức các nghiệp vụ thư ký tại kỳ họp QH, phiên họp UBNDQH;
- ✓ TTKQH - Chủ nhiệm VPQH quyết định những tài liệu tham khảo phục vụ đại biểu QH tại kỳ họp. (Khoản 2, Điều 97, Luật Tổ chức Quốc hội)
- ✓ Phối hợp với HĐDT, các UB của QH và các cơ quan, tổ chức hữu quan xây dựng dự thảo nghị quyết về các nội dung do QH, UBNDQH giao;
- ✓ Tổ chức công tác cung cấp thông tin, báo chí, xuất bản, thư viện, bảo tàng, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của QH, các cơ quan của QH và ĐBQH;
- ✓ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch QH, UBNDQH giao. (Điều 98, Luật Tổ chức Quốc hội)



Văn phòng Quốc hội

VPQH là cơ quan giúp việc của QH.



Chức năng

- ✓ Nghiên cứu, tham mưu tổng hợp và tổ chức phục vụ các hoạt động của QH, UBTVQH, Chủ tịch QH, các Phó Chủ tịch QH.
- ✓ Nghiên cứu, tham mưu tổng hợp và tổ chức phục vụ hoạt động của HĐDT, các UB của QH, các Ban của UBTVQH.



Nhiệm vụ

“Phục vụ QH, UBTVQH, HĐDT, UB của QH trong công tác xây dựng pháp luật; phối hợp phục vụ UBTVQH trong việc giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh”; “tạo điều kiện kinh phí và các điều kiện vật chất cần thiết cho ĐBQH trong việc trình dự án luật, pháp lệnh và kiến nghị về luật, pháp lệnh”.

(Nghị quyết số 618/2013/UBTVQH13 ban hành ngày 10 tháng 7 năm 2013 của UBTVQH về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 417/2003/NQ-UBTVQH11 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của VPQH)



Viện Nghiên cứu lập pháp

VNCLP là cơ quan thuộc UBTVQH.



Chức năng

- ✓ Nghiên cứu khoa học lập pháp, tổ chức thông tin khoa học lập pháp để tham mưu chính sách, tư vấn, hỗ trợ, phục vụ QH, các cơ quan của QH, các cơ quan thuộc UBTVQH và ĐBQH trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của QH.
- ✓ Giúp UBTVQH quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ quan của QH, các cơ quan thuộc UBTVQH và VPQH.



Nhiệm vụ

“Chủ động hoặc theo yêu cầu của QH, các cơ quan của QH, các cơ quan thuộc UBTVQH và ĐBQH thực hiện nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn những vấn đề liên quan đến việc QH thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước”;

“Tư vấn, hỗ trợ ĐBQH trong việc thực hiện quyền trình kiến nghị về luật, pháp lệnh và dự án luật, dự án pháp lệnh trước QH, UBTVQH”.

(Nghị quyết số 1050/2015/UBTVQH13 ban hành ngày 09 tháng 10 năm 2015 của UBTVQH về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của VNCLP)



Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là cơ quan tương đương Sở, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn ĐBQH và Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.



Chức năng

Tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH, ĐBQH và Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.



Nhiệm vụ

“Tham mưu, tổ chức phục vụ Đoàn ĐBQH trong công tác xây dựng pháp luật, thảo luận, góp ý kiến về các nội dung theo yêu cầu của UBTVQH”.

(Nghị quyết 1004/2020/UBTVQH14 quy định trách nhiệm của Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh)

6. HỖ TRỢ VỀ HÀNH CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Để đảm bảo cho hoạt động của ĐBQH thì mảng công việc hành chính, hậu cần được coi là một trong những phần việc quan trọng, thường xuyên được quan tâm trong hoạt động của VPQH.

Về công tác hành chính, văn thư - lưu trữ, Vụ Hành chính, VPQH là đơn vị trực tiếp có nhiệm vụ tổ chức công tác hành chính, văn thư, in ấn, lưu trữ phục vụ cho hoạt động của Quốc hội, UBTWQH, các cơ quan của Quốc hội, ĐBQH nói chung và phục vụ các hoạt động lập pháp nói riêng.

Ngoài ra, ĐBQH còn được trang bị đầy đủ điều kiện, cơ sở vật chất để thực hiện nhiệm vụ đại biểu của mình trong đó có việc tham gia vào hoạt động lập pháp của Quốc hội. Ví dụ như, ĐBQH được trang bị máy tính xách tay, Ipad, các phương tiện khác, Công báo, Báo Nhân dân, các loại báo địa phương, Báo Đại biểu nhân dân, Báo Kiểm toán...

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Hiến pháp;
- 2) Luật Tổ chức Quốc hội, Luật số 57/2014/QH13 ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2014;
- 3) Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật số 65/2020/QH14, ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2020.
- 4) Luật Ban hành VBQPPL, Luật số 80/2015/QH13, ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.
- 5) Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL, Luật số 63/2020/QH14, ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2020.
- 6) Luật Ban hành VBQPPL, Văn bản hợp nhất số 23/VBHN-VPQH ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Văn phòng Quốc hội;
- 7) Nghị quyết số 417/2003/NQ-UBTVQH11 ban hành ngày 1/10/2003 của UBTVQH về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội;
- 8) Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của UBTVQH Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;
- 9) Nghị quyết số 555/NQ-UBTVQH13 ngày 28/12/2012 của UBTVQH Quốc hội về việc thực hiện phụ cấp công tác ĐBQH chuyên trách;
- 10) Nghị quyết số 618/2013/UBTVQH13 ban hành ngày 10 tháng 7 năm 2013 của UBTVQH về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 417/2003/NQ-UBTVQH11 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội;

11) Nghị quyết số 1050/2015/UBTVQH13 ban hành ngày 09 tháng 10 năm 2015 của UBTVQH về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu lập pháp;

12) Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14 tháng 3 năm 2017 của UBTVQH quy định thể thức và kỹ thuật trình bày VBQPPL của Quốc hội, UBTVQH, Chủ tịch nước;

13) Nghị quyết 353/2017/UBTVQH14 của UBTVQH ban hành ngày 17 tháng 4 năm 2017 về bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của ĐBQH;

14) Nghị quyết 1004/2020/UBTVQH14 quy định trách nhiệm của Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

15) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14 tháng 5 năm 2016, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL;

16) Thông tư số 338/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2016 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng VBQPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

17) Hoàng Minh Hiếu (2008), “Quyền trình dự án luật của ĐBQH: từ các quy định của pháp luật đến thực tiễn”, Hội thảo khoa học về sáng kiến lập pháp của ĐBQH, Hà Nội, tháng 6/2008.

18) Bùi Ngọc Thanh (2008), “Để thực thi quyền sáng kiến pháp luật của ĐBQH”, tài liệu hội thảo “Cơ chế hỗ trợ ĐBQH thực hiện quyền sáng kiến lập pháp”, Hà Nội;

19) Văn phòng Quốc hội, “Sự tham gia của ĐBQH vào quy trình xây dựng luật, pháp lệnh”, tài liệu lưu hành nội bộ, NXB Thời Đại, 2010;

20) Trung tâm Bồi dưỡng đại biểu dân cử, Văn phòng Quốc hội, “ĐBQH - những điều cần biết”, Hà Nội, năm 2011;

21) Đinh Xuân Thảo – Hoàng Văn Tú (2013), “ĐBQH với việc thực hiện sáng quyền lập pháp”, NXB Lao động, Hà Nội;

22) Đinh Xuân Thảo – Đỗ Tiến Dũng (2015), “Hoàn thiện pháp luật bảo đảm thực hiện quyền trình sáng kiến pháp luật của ĐBQH”, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội;

23) GS.TSKH Nguyễn Ngọc Trân, “Về kỹ năng của người đại biểu dân cử”, NXB Lao động, năm 2016;

24) Nguyễn Thị Bạch Mai, “Kỹ năng phân tích chính sách”, xem tại: <http://www.ttb.gov.vn/>, truy cập ngày 10 tháng 6 năm 2021;

25) Trần Thị Quốc Khánh, ĐBQH khóa XIII, “Quá trình thu thập, nghiên cứu và xử lý thông tin, tài liệu khi thực hiện quyền sáng kiến pháp luật của ĐBQH”, Diễn đàn chính sách về thu thập, phân tích và xử lý thông tin tham khảo trong hoạt động của ĐBQH do Văn phòng Quốc hội phối hợp với USAID GIG tổ chức tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc ngày 15-16/6/2016;

26) TS. Nguyễn Văn Thuận, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật, Quốc hội khóa XII, “Quá trình thu thập, nghiên cứu và xử lý thông tin trong quá trình thẩm tra, chỉnh lý dự án luật”, Diễn đàn chính sách về Thu thập, phân tích và xử lý thông tin tham khảo trong hoạt động của ĐBQH do Văn phòng Quốc hội phối hợp với USAID GIG tổ chức tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc, ngày 15-16/6/2016;

27) Trương Trọng Nghĩa, ĐBQH khóa XIII, XIV, “Quá trình thu thập, nghiên cứu, xử lý thông tin phục vụ việc thảo luận, xem xét và thông qua dự án luật của ĐBQH”, Diễn đàn chính sách về thu thập, phân tích, xử lý thông tin tham khảo trong hoạt động của ĐBQH do Văn phòng Quốc hội phối hợp với USAID GIG tổ chức tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc ngày 15-16/6/2016;

28) Ths. Lê Tuấn Phong, “Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật của nước ta hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 11 (411), tháng 6/2020.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

64 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (024) 2214 7815

Website: nxbthanhvien.vn; Email: info@nxbthanhvien.vn

Chi nhánh: 145 Pasteur, P.6, Q3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 39106963.

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TRONG QUY TRÌNH LẬP PHÁP

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

Giám đốc - Tổng Biên tập: Lê Thanh Hà

Biên tập: Chu Quang Khánh

Bìa & Trình bày: Giang An

THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Nguyễn Trần Bình

Phạm Thị Mỹ Linh

Nguyễn Hải Phúc

SỬA BẢN IN

Lê Hoàng Anh

Trịnh Ngọc Cường

Nguyễn Thị Hải Hà

Trần Thị Thúy

In 800 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty TNHH in TM&XD Nhật Quang.

Địa chỉ: 967 đường La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Số xác nhận XB: 2456-2021/CXBIPH/56-89/TN,

theo QĐXB số 1373/QĐ-NXB TN, ngày 15/7/2021

In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.



**Hanns
Seidel
Foundation**

Ấn phẩm này được thực hiện với sự hỗ trợ của Dự án "Tăng cường năng lực cung cấp thông tin và nghiên cứu phục vụ các đại biểu Quốc hội và công chức của Văn phòng Quốc hội vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại Việt Nam" do Tổ chức Hanns Seidel Foundation (HSF) tại Việt Nam tài trợ.

TRANG THÔNG TIN VÀ CÔNG CỤ TRỰC TUYẾN CỦA THƯ VIỆN QUỐC HỘI

- Thông tin điện tử: <http://thuvien.quochoi.vn>
- Thư viện truyền thống: <http://thuvientruyenthong.quochoi.vn>
- Thư viện số: <http://thuvienso.quochoi.vn>
- Tìm kiếm tài liệu (bản giấy và bản số): <https://tracuutaptrung.quochoi.vn>
- Mượn trả tài liệu số: <http://muontailieuso.quochoi.vn>
- Cung cấp thông tin trực tuyến phục vụ đại biểu Quốc hội: <http://hht.quochoi.vn>
- Lấy ý kiến nhân dân về dự thảo luật: <http://duthaonline.quochoi.vn>



Điện thoại: 080.41459-41984
Email : thuvienquochoi@quochoi.vn
Địa chỉ : Thư viện Quốc hội
Nhà Quốc hội, đường Độc Lập, Ba Đình, Hà Nội

ISBN: 978-604-64-0873-4

